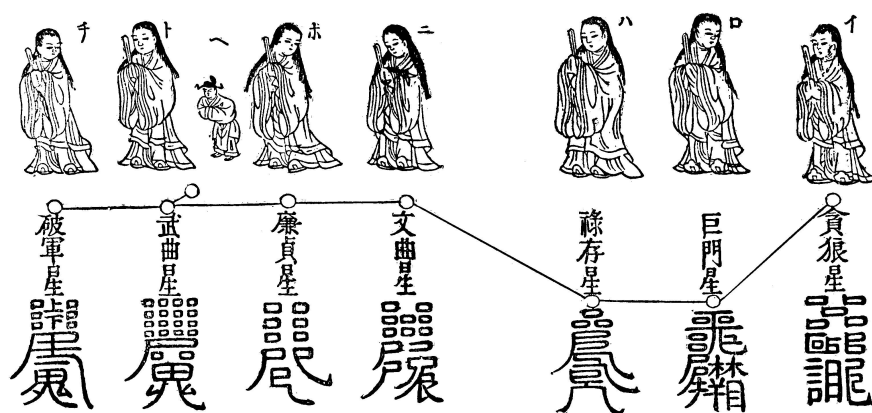


# BẮC ĐẤU THẤT TINH



\_ Pháp **Bắc Đẩu Thất Tinh Diên Mệnh** đã phối hợp 7 vì sao Bắc Đẩu với 7 vị Phật **Dược Sư** là:

1\_ **Tham Lang Tinh** là **Vận Ý Thông Chứng Như Lai Phật** ở Thế Giới Tối Thắng thuộc phương Đông

2\_ **Cự Môn Tinh** là **Quang Âm Tự Tại Như Lai Phật** ở Thế Giới Diệu Bảo thuộc phương Đông

3\_ **Lộc Tôn Tinh** là **Kim Sắc Thành Tự Như Lai Phật** ở Thế Giới Viên Mãn thuộc phương Đông

4\_ **Văn Khúc Tinh** là **Tối Thắng Cát Tường Như Lai Phật** ở Thế Giới Vô Ưu thuộc phương Đông

5\_ **Liêm Trinh Tinh** là **Quảng Đạt Trí Biện Như Lai Phật** ở Thế Giới Tĩnh Trụ thuộc phương Đông

6\_ **Vũ Khúc Tinh** là **Pháp Hải Du Hý Như Lai Phật** ở Thế Giới Pháp Ý thuộc phương Đông

7\_ **Phá Quân Tinh** là **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Phật** ở Thế Giới Lưu Ly thuộc phương Đông.

\_ Pháp **Bắc Đẩu Thất Tinh** đã phối hợp 7 vì sao Bắc Đẩu với các vị Quán Âm là:

1\_ **Tham Lang Tinh** là **Đại Bạch Y Thiên Thủ Quán Âm**

Chữ chủng tử: VAI (𑖦), VIH (𑖧)

Chân Ngôn là:

ॐ 𑖦𑖧𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩 𑖧

OM \_ DHÀRANÌ DHÀRANÌ HÙM

hay

ॐ 𑖦𑖧 𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩 𑖧𑖩

OM TIRA PRṆĪKAYE \_ SVÀHÀ

2\_ **Cự Môn Tinh** là **Mã Đầu Quán Âm**

Chữ chủng tử: TRA (𑖦), TAM (𑖦), VI (𑖦), TROM (𑖦)

Chân Ngôn là:

𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦

OM \_ KURU MARATA HÙM

hay

𑖦 𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦

OM \_ TRA TRA HANI \_ SVÀHÀ

3\_ **Lộc Tồn Tinh** là **Bất Không Quyển Sách Quán Âm**

Chữ chủng tử: KA (𑖦), VÌ (𑖦),

Chân Ngôn là:

𑖦 𑖦𑖦𑖦 𑖦

OM \_ PRATAGHA HÙM

hay

𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦 𑖦

OM \_ KA KA KA KA RIHA RIHAYA RIṆI \_ SVÀHÀ

4\_ **Văn Khúc Tinh** là **Thập Nhất Diện Quán Âm**

Chữ chủng tử: PRA (𑖦), VAU (𑖦)

Chân Ngôn là :

𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦

OM \_ TRIMARATA HÙM

hay

𑖦 𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦

OM \_ PRA PRA BHAYARA BHAYARANI \_ SVÀHÀ

5\_ **Liêm Trinh Tinh** là **Thủy Diện Quán Âm Thâm Sa Đại Vương**

Chữ chủng tử: TRÙ (𑖦), HAṆ (𑖦), TRAḤ (𑖦)

Chân Ngôn là:

𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦

OM \_ DHUTARANI OM

hay

𑖦 𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦 𑖦

OM \_ KA KA KA RIHÀ RIHÀYA RIṆI \_ SVÀHÀ

6\_ **Vũ Khúc Tinh** là **A Lô Lực Ca Quán Âm**

Chữ chủng tử: NA (𑖦), TA (𑖦), A (𑖦)

Chân Ngôn là:

𑖦 𑖦𑖦 𑖦

OM \_ GATRÙ HÙM

hay

ॐ णि णि ऐऐ ऋऋ ऐऋ ऋऋय ऐऋ ऋऋ

OM \_ TAI TAI RI RI KA KA RIHA RÌHAYA RÌNI \_ SVÀHÀ

**7\_ Phá Quân Tinh là Hư Không Tạng Bồ Tát**

Chữ chủng tử: VAI ( वै ), HI ( हि )

Chân Ngôn là:

ॐ ह्रमम ह्रं ह्रं

OM \_ BHASAMA HAMṬA HÙM

hay

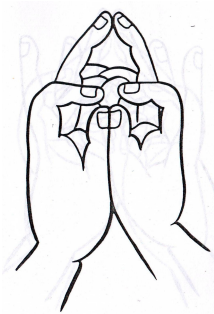
ॐ ह्र णि व्र ह्र णि ह्र ऐ ह्र ऐ म ह्र ह्र ऐ व ऐऋ ऋऋ

OM \_ BHATAI TRABHATAI BHARI BHARI MAHÀ-BHARI CARINI \_ SVÀHÀ

**Bắc Đẩu Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Ấn:**

Hai tay tác Nội Phộc, dựng cứng hai ngón giữa như hình cây kiếm, co cong hai ngón trở duỗi thẳng lông bên trên đều vịn móng ngón cái.

Đây là **Bát Bức Luân Ấn**



**Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn là:**

मम समन्त दार दार पवत ह्रं

MAMO SAMANTA \_ DARA DARA PACARA \_ HÙM

**Triệu Bắc Đẩu Ấn:**

Chấp tay giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) đem 2 ngón cái vịn móng 2 ngón vô danh. Hai ngón giữa, 2 ngón út như cánh sen. Hơi mở co 2 ngón trở rồi đưa qua lại.







## 12 CUNG (Dva-da'sa-vimana)

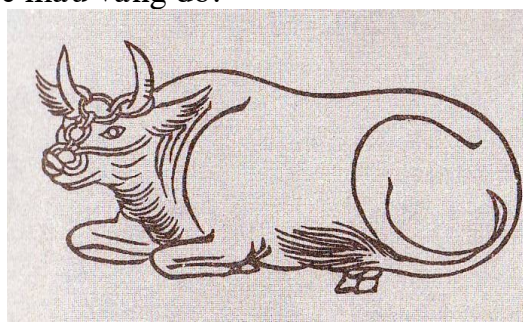
\_Phương Đông: có 3 Cung

### 1\_ Ngưu Mật Cung (Vṛṣa-vimana):

Vṛṣa-vimana lại xưng là Ngưu Cung, Kim Ngưu Cung, Mật Ngưu Cung, Trì Ngưu Thần Chủ. Là một trong 12 Cung (Dva-da'sa-vimana)

Tôn này chủ về việc nuôi dưỡng cầm thú (súc mục)

Tôn Hình: Con bò đực màu vàng đỏ.

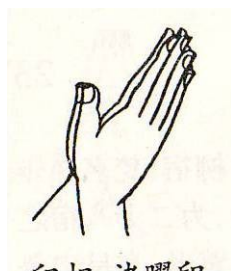


Chữ chủng tử là: JA (𑖕), hay VR (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖕𑖔:𑖔𑖔𑖕 𑖕 𑖕 𑖕𑖔𑖔𑖕 𑖕 𑖕𑖔𑖔𑖕 𑖕 𑖕𑖔𑖔𑖕

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ VṚṢA-PATAYE\_ SVĀHĀ

### 2\_ Bạch Dương Cung (Meṣa-vimana):

Meṣa-vimana lại xưng là Dương Cung, Trì Dương Thần Chủ. Là một trong 12 Cung.

Tôn này chủ về việc có cảnh hạnh

Tôn Hình: Con dê màu trắng. Hoặc là hình Thiên Nữ, tay trái tác Thí Vô Uy Ấn, tay phải nắm quyền để trước ngực và dựng đứng ngón trỏ. Ngồi trên toà hình tròn, trước toà có con dê.

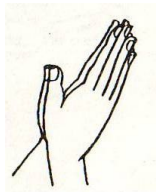


Chữ chủng tử là: JE (ॐ), hay ME (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ मः म म म व ह नं न म प न य न म न

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ MEṢA-PATAYE\_ SVĀHĀ

**3a\_ Phu Phụ Cung** (Nam) (Mithuna-vimana):

Mithuna-vimana lại xưng là Phu Phụ Cung, Âm Dương Cung, Song Nữ Cung, hoặc Song Điểu Thần Chủ. Là một trong 12 Cung.

Tôn này chủ về việc mang thai, con cháu

Tôn Hình: Nam hướng mặt về bên phải, cùng đối với nữ

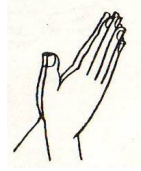


Chữ chủng tử là: JE (ॐ), hay MI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धानाम् मितुनापतये स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ MITHUNA-PATAYE\_ SVĀHĀ

**3b\_ Phu Phụ Cung (Nữ) (Mithuna-vimana):**

Mithuna-vimana lại xưng là Phu Phụ Cung, Âm Dương Cung, Song Nữ Cung, hoặc Song Điểu Thần Chủ. Là một trong 12 Cung.

Tôn này chủ về việc mang thai, con cháu

Tôn Hình: Nữ hướng mặt về bên trái, cùng đối với Nam. Tay cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao

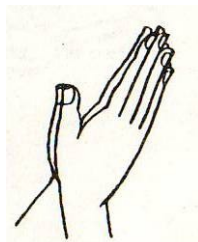


Chữ chủng tử là: JE (ꣳ), hay MI (ꣳ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धानाम्मिथुनापतयेस्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ MITHUNA-PATAYE\_ SVĀHĀ

\_ Phương Nam: có 3 Cung

### 1\_ Hiền Bình Cung (Kumbha-vimana):

Kumbha-vimana là một trong 12 Cung. Lại xưng là Hiền Cung, Bảo Bình Cung hoặc Thủy Khí Thần Chủ, chủ về việc kiên quyết thắng.

Tôn Hình: Trong cái bình báu có cắm hoa sen búp nụ

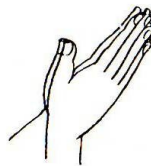


Chữ chủng tử là: KU (☵)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धानाम्कुम्भापतयेस्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ KUMBHA-PATAYE\_ SVĀHĀ

### 2\_ Ma Kiệt Cung (Makara-vimana):

Makara-vimana là một trong 12 Cung. Chủ về việc thắng cường.

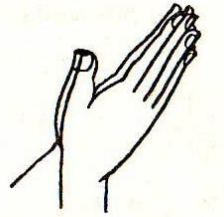
Tôn Hình: Hình con cá to lớn.



Chữ chủng tử là: MA (𩺰)  
 Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

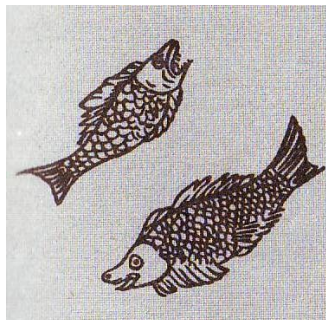


Chân Ngôn là:  
 नमःसमन्त बुद्धानाम् मकरा पतये स्वहा  
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ MAKARA-PATAYE\_ SVĀHĀ

**3\_ Song Ngư Cung (Mina):**

Mina là một trong 12 Cung. Lại xưng là Ngư Cung, Nhị Ngư Cung hoặc Thiên Ngư Thần Chủ. Chủ về việc thăng quan tiến chức.

Tôn Hình: Hai con cá

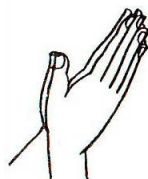


Chữ chủng tử là: MI (𩺱)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धानाममिनापतयेस्वहा

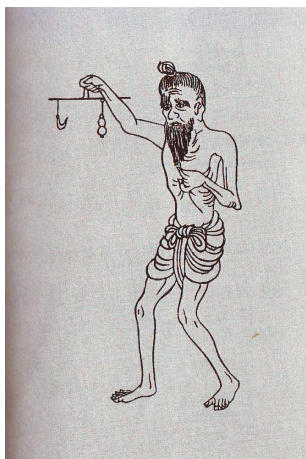
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ MĪNA-PATAYE\_ SVĀHĀ

\_ Phương Tây: có 3 Cung

**1\_ Xứng Cung** (Tulā-vimāna):

Tulā-vimāna là một trong 12 Cung. Lại xưng là Xứng Lượng Cung, Thiên Xứng Cung.

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện tướng Lão Tiên Nhân cõi trần. Tay trái để ngang ngực. Tay phải cầm cái cân



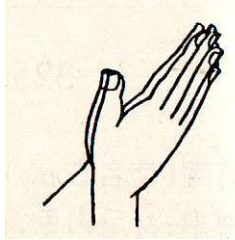
Chữ chủng tử là: TU (ॐ), hoặc JO (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện





Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



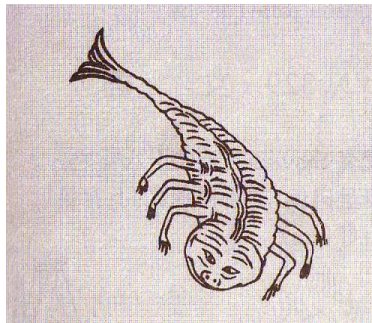
Chân Ngôn là:

ॐ त्रुल पतये स्वहा  
OM\_TULÀ-PATAYE\_SVÀHÀ

## 2\_ Yết Trùng Cung (Vṛ'scika-vimana):

Vṛ'scika-vimana là một trong 12 Cung

Tôn hình: Thân màu đen đỏ, hiện hình bên ngoài của con Bò Cạp

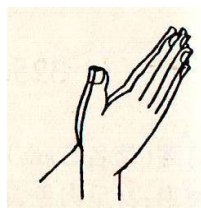


Chữ chủng tử là: VṚ ( ॠ )

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वृश्चिक पतयस्वहा  
OM\_ VR'SCIKA-PATAYE\_ SVÀHÀ

### 3\_ **Cung Cung** (Dhanu-vimana):

Dhanu-vimana là một trong 12 Cung. Lại xưng là Nhân Mã Cung, Xạ Thần Chủ. Chủ về việc vui hợp chợ được tiền.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm mũi tên, tay trái cầm cây cung, hiện tư thế Thiên Nhân đi bộ.

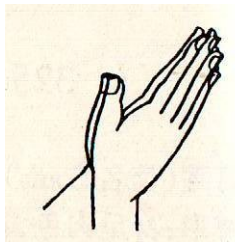


Chữ chủng tử là: DHAM (đ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ धनु पतयस्वहा  
OM\_ DHANU-PATAYE\_ SVÀHÀ

\_ Phương Bắc : có 3 Cung

### 1\_ **Thiếu Nữ Cung** (Kanyà-vimana):

Kanyà-vimana là một trong 12 Cung



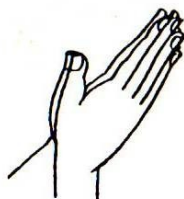
Tôn hình: Thân màu thịt, ngửa lòng bàn tay phải. Tay trái duỗi ngón cái để ở bắp đùi



Chữ chủng tử là: KA (𑖕)  
 Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

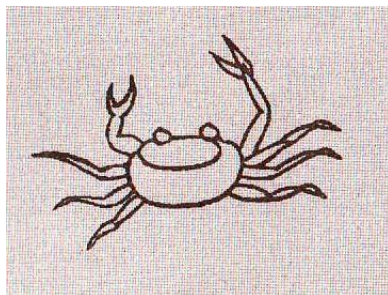


Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:  
 ॐ न कण्यपतये स्वहा  
 OM\_ KANYÀ-PATAYE\_ SVÀHÀ

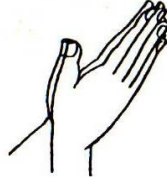
**2\_ Bàng Giải Cung (Karkatàka-vimana):**  
 Karkatàka-vimana là một trong 12 Cung  
 Tôn hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình con cua lớn



Chữ chủng tử là: KA (𑖕)  
 Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

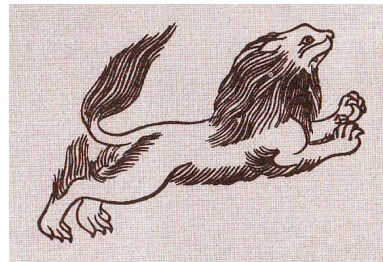
ॐ ऋ ऌ ऎ ए ऑ ऒ ओ औ क ख ङ

OM\_KARKATÀKA-PATAYE\_SVÀHÀ

### 3\_ Sư Tử Cung (Simha-vimana):

Simha-vimana là một trong 12 Cung

Tôn hình: Thân màu vàng ròng, hiện hình Sư Tử

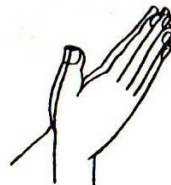


Chữ chủng tử là: SI (𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tượng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ ऋ ऌ ऎ ए ऑ ऒ ओ औ क ख ङ

OM\_SIMHA-PATAYE\_SVÀHÀ



# 28 TÚ (Aṣṭa-vim'satīnām-nakṣatrāṇām)



\_ Phương Đông: có 7 Tú



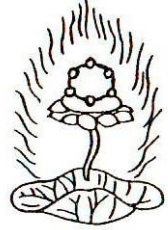




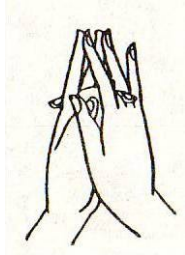


Chữ chủng tử là: RO (ॠ), hay MR (ॡ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngõi sao trên hoa sen.



Tượng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

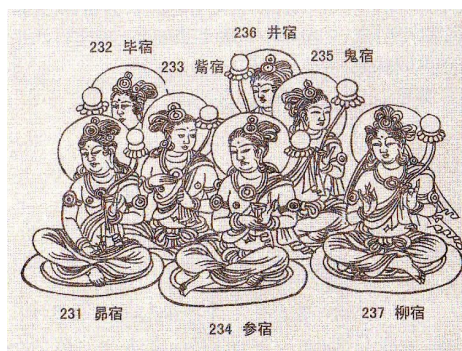
नामहासामान्ता बुद्धानाम् नक्षत्रा निरजदानीये  
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_ SVĀHĀ

hay नामहासामान्ता बुद्धानाम् मर्गसिरे नक्षत्रा  
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ MRGA'SIRA- NAKṢATRA \_ SVĀHĀ

**4\_ Sâm Tú (Ârdra):**

Ârdra (Sâm Tú) dịch âm là Át Đại La. Dịch ý là Dịch Thấp, Mê Thấp, Vị Thấp. Lại xưng là Sinh Sảnh Tú, Sinh Dưỡng Tú. Là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Ngửa lòng bàn tay phải để trước rốn. Dựng đứng lòng bàn tay trái, co ngón trở ngón giữa cầm hoa sen, trên hoa sen có ngôi sao. Giao ống chân mà ngồi. (hình 234)

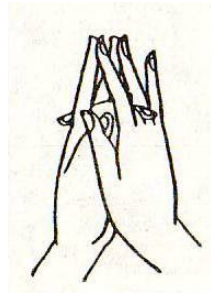


Chữ chủng tử là: RO (ॠ), hay A (ॡ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngõi sao trên hoa sen.







Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम नक्षत्र निरजाणीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢĀTRA NIRJADAṆĪYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम पुष्य नक्षत्रे

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ PUṢYA- NAKṢĀTRA \_ SVĀHĀ

**6\_ Tinh Tú (Punarvasu):**

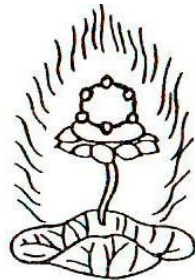
Punarvasu (Tinh Tú) dịch âm là BỔ NẠI PHẬT TÔ. Lại xưng là Tăng Tài, Nhãn Tài. Là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình 236)



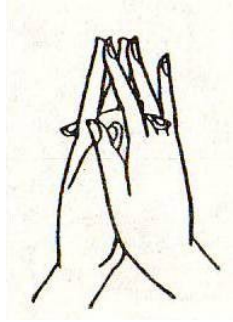
Chữ chủng tử là: A (𑖀) , hay PU (𑖥)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.





Chân Ngôn là:

नमोऽस्मिन् वसुदेवे (नक्षत्रेणैव नमः)

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADANIYE\_ SVĀHĀ

hay नमोऽस्मिन् पुनर्वसु वसुदेवे नमः

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ PUNARVASU- NAKṢATRA \_ SVĀHĀ

7\_ **Liểu Tú** (À'sleṣa):

À'sleṣa (Liểu Tú) dịch âm là A Thất Lệ Sái. Lại xưng là Bất Cận, Bất Nhiễm. Là một trong 28 Tú, một trong 7 Tú ở phương Đông.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen (hình 237)

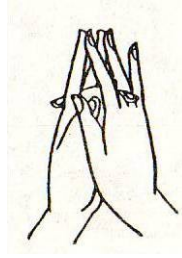


Chữ chủng tử là: PRA (𑖫), hay A (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

नमोऽस्य बुद्धाय नमोऽस्य बुद्धाय नमोऽस्य बुद्धाय

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE\_ SVĀHĀ

hay नमोऽस्य बुद्धाय नमोऽस्य बुद्धाय नमोऽस्य बुद्धाय

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ À'SLEṢA- NAKṢATRA \_ SVĀHĀ

\_ Phương Nam: có 7 Tú



**1\_ Tinh Tú (Maghà):**

Maghà là một trong 28 Tú.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen , trên sen để ngôi sao (hình bên trái)



Chữ chủng tử là: MA (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ मग्नक्षत्रं नमो बुद्धानाम् नक्षत्रं निरजादण्ये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE\_ SVĀHĀ

Hay ॐ मग्नक्षत्रं नमो बुद्धानाम्

OM \_ MAGHĀ-NAKṢATRA \_ SVĀHĀ

## 2\_ Chấn Tú (Hastà):

Hastà là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen để ngôi sao. Tay phải úp lòng bàn tay để ngang ngực (hình ở giữa)

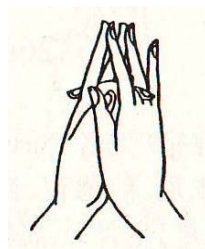


Chữ chủng tử là: HA (६)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Bộ Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धानाम् नक्षत्रं निरजदानीये  
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_  
 SVĀHĀ

Hay ॐ नक्षत्रं नक्षत्रं नक्षत्रं  
 OM \_ HASTĀ-NAKṢATRA \_ SVĀHĀ

### 3\_ Kháng Tú (Svati):

Svati là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải dựng lòng bàn tay để trước ngực, co ngón cái, ngón giữa, ngón vô danh. Tay trái để trước rốn cầm hoa sen , trên sen để ngôi sao (hình bên phải)

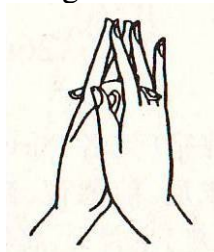


Chữ chủng tử là: SVA (स्व)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tượng Ấn là: Nhị Thập Bát Bộ Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धानाम् नक्षत्रं निरजदानीये  
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_  
 SVĀHĀ

Hay ॐ स्वति नक्षत्रं नक्षत्रं



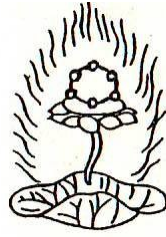




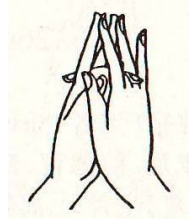


Chữ chủng tử là: CI (𑖘)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Bộ Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖀𑖡𑖛𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_NAKṢATRA NIRJADANIYE\_SVĀHĀ

Hay 𑖠𑖡𑖛𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

OM \_ CITRĀ-NAKṢATRA \_ SVĀHĀ

7\_ Đê Tú (Vi'sakhà):

Vi'sakhà là một trong 28 Tú

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực. Tay trái để trước vú cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao. Dựng đầu gối phải, giao ống chân mà ngồi (hình bên phải)

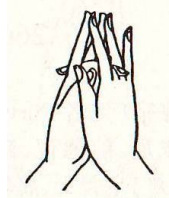


Chữ chủng tử là: VI (𑖘)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Bộ Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

नमोऽसामन्तबुद्धानाम् नक्षत्रनिर्जदानीयेऽ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADAṆĪYE\_ SVĀHĀ

Hay ॐ नक्षत्रनिर्जदानीयेऽ

OM \_ VI'SĀKHĀ-NAKṢATRA \_ SVĀHĀ

\_ Phương Tây: có 7 Tú



**1\_ Nữ Tú** ('Sraṇà):

'Sraṇà là một trong 28 Tú.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình bên phải)

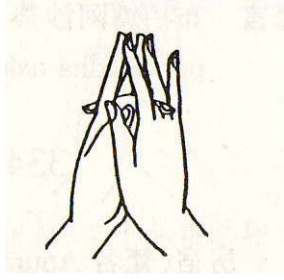


Chữ chủng tử là: 'SRA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.







Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धानाम् नक्षत्रं निरजदानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ नक्षत्रं निरजदानीये

OM\_ AVRJĀ-NAKṢATRA\_ SVĀHĀ

### 3\_ Đẩu Tú (Uttara-àṣàdhà):

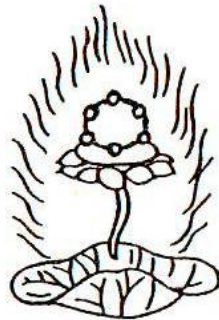
Uttara-àṣàdhà là một trong 28 Tú. Lại xưng là Đại Quang, hoặc Hậu A Sa Trà

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình chính giữa).

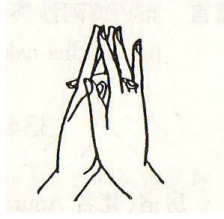


Chữ chủng tử là: MA (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमःसमन्त बुद्धानाम् नक्षत्र निरजदानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADANIYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ उत्तराश्रद्धा नक्षत्रान् स्वहा

OM\_ UTTARA-ÀṢĀDHĀ-NAKṢATRA\_ SVĀHĀ

#### 4\_ Vĩ Tú (Mùla):

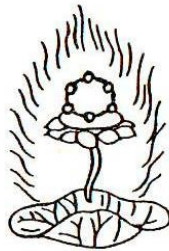
Mùla dịch âm là Mâu Lam, Mộ La. Là một trong 28 Tú. Lại xưng là Thần Thiên, Căn Nguyên Tú.

Tôn hình: Thân màu thít, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao, giao ống chân mà ngồi. (hình thứ ba đếm từ bên trái)

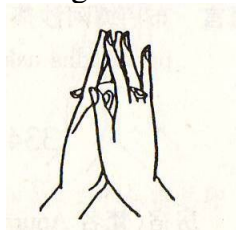


Chữ chủng tử là: MU (𑖣)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमःसमन्त बुद्धानाम् नक्षत्र निरजदानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀṆIYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ नमो बुद्धाय नमो नमो ॐ  
OM\_ MŪLA-NAKṢATRA\_ SVĀHĀ

**5\_ Cơ Tú (Pūrva-àṣàdhà):**

Pūrva-àṣàdhà là một trong 28 Tú

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (Hình thứ tư đếm từ bên trái)

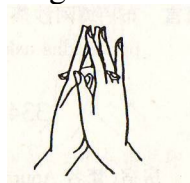


Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tượng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो बुद्धाय नमो नमो ॐ नमो बुद्धाय नमो नमो ॐ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀṆIYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ पूर्व षडध्याय नमो नमो ॐ  
OM\_ PŪVA-ÀṢĀDHĀ-NAKṢATRA\_ SVĀHĀ

**6\_ Phòng Tú (Anuràdhà):**

Anuràdhà là một trong 28 Tú.

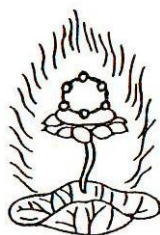


Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ nhất đếm từ bên trái)

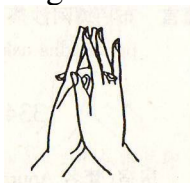


Chữ chủng tử là: A (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tượng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् नक्षत्रं निरजदानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ नक्षत्रं निरजदानीये

OM\_ ANURĀDHA-NAKṢATRA\_ SVĀHĀ

### 7\_ Tâm Tú (Jyeṣṭhā):

Jyeṣṭhā là một trong 28 Tú

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ hai đếm từ bên trái)

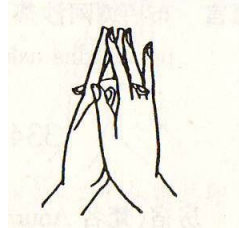


Chữ chủng tử là: JO (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tượng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धानाम् नक्षत्र निरजदानीये स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ नक्षत्र निरजदानीये स्वहा

OM\_ JYEṢṬHA-NAKṢATRA\_ SVĀHĀ

\_ Phương Bắc: có 7 Tú



**1\_ Hư Tú (Dhaniṣṭha):**

Dhaniṣṭha là một trong 28 Tú

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao

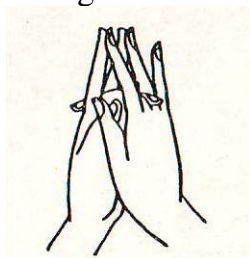


Chữ chủng tử là: DHA (ॠ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धानाम् नक्षत्रं निरजदानीये नक्षत्रे

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ नक्षत्रं निरजदानीये नक्षत्रे

OM\_ DHANIṢṬHĀ-NAKṢATRA\_ SVĀHĀ

## 2\_ Ngụy Tú ('Satabhiṣak):

'Satabhiṣak là một trong 28 Tú

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái để trước ngực cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao

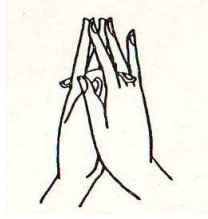


Chữ chủng tử là: 'SA (॑)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धानाम् नक्षत्रं निरजदानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ नक्षत्रं निरजदानीये

OM\_ 'SATABHIṢAK-NAKṢATRA\_ SVĀHĀ

### 3\_ Thất Tú (Pùrva-bhàdrapadà):

Pùrva-bhàdrapadà là một trong 28 Tú

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải để ở bắp đùi cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao. Ngửa lòng bàn tay trái để trước ngực

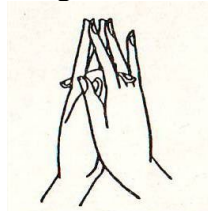


Chữ chủng tử là: BHA (ॠ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्तबुद्धानाम् नक्षत्रं निरजदानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ नक्षत्रं निरजदानीये











# CỬU DIỆU (Nava-graha)



## 1\_ Kim Diệu ('Sukra):

'Sukra lại xưng là Kim Tinh, hoặc Thái Bạch. Là một trong 7 Diệu, 9 Diệu  
 Tôn hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y. Ngửa lòng bàn tay trái, co 4 ngón.  
 Tay phải để ngang ngực



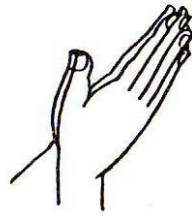
Chữ chủng tử là: 'SU (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên cái bình.





Tướng Ấn là: Chư Diêu Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् नक्षत्रा निरजादानीये

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ सुक्रा श्री स्वहा

OM\_ 'SUKRAḤ-'SRI\_ SVĀHĀ

Hoặc ॐ सुक्र गथारवा राज्ञ्या (Danh vị... ) श्री करि स्वहा

OM\_ 'SUKRA GATHARVA RĀJĀYA ( Danh vị... ) 'SRĪ KARI\_ SVĀHĀ

## 2\_ Mộc Diêu (Vṛhaspati):

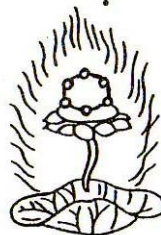
Vṛhaspati là một trong 7 Diêu, một trong 9 Diêu. Lại xưng là Tuế Tinh, Nhiếp Đê.

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, ngửa lòng bàn tay phải lên trên co ngón giữa ngón vô danh cùng với ngón cái vịn nhau. Tay trái nắm quyền để ngang eo, giao ống chân mà ngồi (hình bên trái)



Chữ chủng tử là: VṚ ( ृ )

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên họa sen.



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng, mở dựng hai ngón cái.



Chân Ngôn là:

ॐ वृहस्पतिः श्रीः स्वहा  
OM \_ VRHASPATI'SRI \_ SVÀHÀ

Hay ॐ वृहस्पति मधुव्रत मन्त्र रथः स्वहा  
OM \_ BRHASPATIDHA MAPITHAVNAYA (Danh vị...) MALA  
VARTHADI \_ SVÀHÀ

### 3\_ Thuỷ Diệu (Budha):

Budha là một trong 7 Diệu hoặc 9 Diệu. Lại xưng là Thuỷ Tinh, Trích Tinh, Thuỷ Đại Diệu, Thuỷ Tinh (tinh tuý của nước)

Tôn hình: Thân màu thịt, chắp hai tay lại, đầu đội mào báu Tinh Nguyệt (mặt trăng có ngôi sao), ngồi Bán Già.

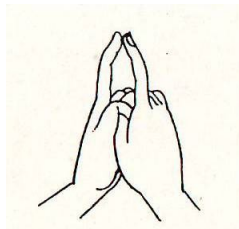


Chữ chủng tử là: BU ( ॡ )

Tam Muội Gia Hình là:Ngôi sao trên cái bình.



Tượng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

नमःसमन्त बुद्धानाम् नक्षत्र निरजदानीये  
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_  
 SVĀHĀ

hay ॐ बुद्ध नक्षत्र स्वामी खेदुमा स्वहा  
 OM\_ BUDHA- NAKṢATRA SVAMI KHEDUMA\_ SVĀHĀ

**4\_ Hoả Diệu (Aṅgāraka):**

Aṅgāraka là một trong 7 Diệu, một trong 9 Diệu. Lại xưng là Huỳnh Hoặc Tinh.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây kích (hình bên phải)

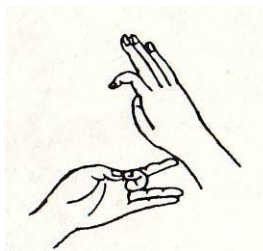


Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Độc Cổ.



Tượng Ấn là: Hỏa Thiên Triệu Thỉnh Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो बुद्धे श्री अरोग्ये स्वहा  
 OM\_ AṅGĀRAKA'SRI-AROGYA\_ SVĀHĀ







Soma tức Thái Âm, là một trong 9 Diệu

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm nửa vành trăng, tay trái nắm quyền để ngang ngực.

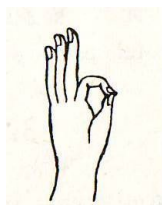


Chữ chủng tử là: SU (॑)

Tam Muội Gia Hình là: Con thỏ trên nửa vành trăng.



Tướng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ सुसमन्तबुद्धानाम् नक्षत्रानिर्जदानीये स्वहं

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE\_ SVĀHĀ

hay ॐ सुसमन्तबुद्धानाम् नक्षत्रानिर्जदानीये स्वहं

OM\_ SOMA- 'SRI\_ SVĀHĀ

Hoặc ॐ चन्द्रा सर्वा नक्षत्रा रजया रिषि सः

OM \_ CANDRA SARVA NAKṢATRA RĀJĀYA ( Danh vị... ) 'SATRI \_ SVĀHĀ

8\_ La Hậu Tinh (Ràhu):





Tổng Chân Ngôn là :

ॐ ग्राहेऽस्वया प्रप्ता ज्योतिर्मया स्वहा

OM \_ GRAHE'SVARYA PRÀPTA JYOTIRMAYA \_ SVÀHÀ

\_ Đại Thánh Tức Tai Chân Ngôn là :

ॐ सर्वतथागतस्य स्वहा

OM \_ SARVA TATHÀGATA 'SRÌYE \_ SVÀHÀ

\_ Phá Tú Diệu Tai Nạn Chân Ngôn:

ॐ सर्वत्रसमये स्वहा

OM \_ SARVATRÀ 'SRÌYE SAMAYE \_ SVÀHÀ

\_ **Phá Chư Tú Ấn:**

Hai tay tác Ngoại Phộc, dựng thẳng hai ngón cái đè trên móng hai ngón trỏ.

Ấn này đồng với Bát Tự Văn Thù Đại Tinh Tiến Ấn



**Phá Nhất Thiết Tú Diệu Chướng Cát Tường Chân Ngôn là:**

ॐ सर्वनाक्षत्रसमये स्यात्सिद्धिर्कुरु स्वहा

OM \_ SARVA NAKŞATRA SAMAYE 'SRÌYE 'SÀNTIKA KURU SVÀHÀ

\_ NẮNG CÁT TƯỜNG CHÂN NGÔN :

ॐ रत्नत्रय

ॐ: सप्त सर्व नक्षत्र इत्येव बुद्धयस्तथाकथं

गच्छन्ति ॐ इत्यथ इत्यथ च इत्यथ स्वहा

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAḤ SOMA SARVA NAKŞATRA RÀJÀYA \_ CATURTHIPA ÀLOKARÀYA

TADYATHÀ : OM \_ DUMAPA DUMATISA PANIKHASE \_ SVÀHÀ

1\_ **Cúng Dưỡng Tú Diệu Chân Ngôn:**

OM MEGHOLKÀYA SVÀHÀ

OM 'SITÀM'SAVE SVÀHÀ

OM RAKTÀŃGA-KUMÀRÀYA SVÀHÀ

OM BUDHÀYA SVÀHÀ

OM VRĤASPATAYE SVÀHÀ

OM ASURA-UTTAMÀYA SVÀHÀ  
OM KRṢṢṢA-VARNÀYA SVÀHÀ  
OM RÀHAVE SVÀHÀ  
OM JYOTIḤ-KETAVE SVÀHÀ

2\_ **Tú Diệu Mẫu Đà La Ni** (Gṛha-màṭṭka-nàma-dhàraṇi)

OM NAMO RATNA-TRAYÀYA  
OM NAMO BUDDHÀYA  
OM NAMO DHARMÀYA  
OM NAMAḤ SAṂGHÀYA  
OM NAMO VAJRA-DHARÀYA  
OM NAMAḤ PADMA-DHARÀYA  
OM NAMAḤ KUMÀRÀYA  
OM NAMAḤ SARVA-GRAHÀṆÀṂ SARVA-A'SÀ-  
PARIPÙRAKÀṆÀṂ  
OM NAMAḤ NAKSATRÀṆÀṂ  
OM NAMO DVÀ-DA'SA-RÀ'SÌNÀṂ  
OM NAMAḤ SARA-UPADRAVÀṆÀṂ  
TADYATHÀ:  
OM \_ BUDDHE BUDDHE \_ 'SUDDHE 'SUDDHE \_ VAJRE VAJRE \_  
PADME PADME \_ SARA SARA \_ PRASARA PRASARA \_ SMARA SMARA \_  
KRÌḌA KRÌḌA \_ KRÌḌÀYA KRÌḌÀYA \_ MARA MARA \_ MÀRAYA  
MÀRAYA \_ MARDAYA MARDAYA \_ STAMBHA STAMBHA \_  
STAMBHAYA STAMBHAYA \_ GHATA GHATA \_ GHÀṬAYA GHÀṬAYA \_  
MAMA SARVA-SATTVÀNÀÑCA VIGHNÀN CCHINDA CCHINDA  
BHINDA  
SARVA-VIGHNÀN NÀ'SANÀṂ KURU KURU MAMA  
SAPARIVÀRASYA SARVA-SATTVÀNÀÑCA  
KÀRYAṂ KṢEPAYA KṢEPAYA MAMA SARVA-SATTVÀNÀÑCA  
SARVA-NAKṢATRA-GRAHA-PÌDÀN NIVÀRAYA NIVÀRAYA  
BHAGAVATI 'SRÌYAM KURU \_ MAHÀ-MÀYA PRASÀDHAYA  
SARVA-DUṢṢṢÀN NÀ'SAYA  
SARVA-PÀPANI MAMA SAPARIVÀRASYA SARVA-  
SATTVÀNÀÑCA RAKṢA RAKṢA  
VAJRE VAJRE \_ CAṆḌE CAṆḌE \_ CAṆḌINI CAṆḌINI \_ NURU  
NURU \_ MUSU MUSU \_ MUMU MUMU \_ MUÑCA MUÑCA \_ HAVÀ HAVE  
UGRE UGRA-TARE PÙRAYA  
BHAGAVATI MANORATHAM MAMA SARVA-PARIVÀRASYA  
SARVA-SATTVÀNÀÑCA SARVA-TATHÀGATA-ADHIṢṢṢHITANA-  
ADHIṢṢṢHITE SVÀHÀ  
OM SVÀHÀ



HÙM SVÀHÀ  
 HRÌH SVÀHÀ  
 DHÙH SVÀHÀ  
 DHÌH SVÀHÀ  
 OM ÌDITYÀYA SVÀHÀ  
 OM SOMÀYA SVÀHÀ  
 OM DHARANÌ-SUTÀYA SVÀHÀ  
 OM BUDHÀYA SVÀHÀ  
 OM VRHASPATAYE SVÀHÀ  
 OM 'SUKRÀYA SVÀHÀ  
 OM 'SANI'SCARÀYA SVÀHÀ  
 OM RÀHAVE SVÀHÀ  
 OM KETAVE SVÀHÀ  
 OM BUDDHÀYA SVÀHÀ  
 OM VAJRA-PÀÑAYE SVÀHÀ  
 OM PADMA-DHARÀYA SVÀHÀ  
 OM KUMÀRÀYA SVÀHÀ  
 OM SARVA-GRAHÀÑAM SVÀHÀ  
 OM SARVA-NAKṢATRÀÑAM SVÀHÀ  
 OM SARVA-UPADRAVÀÑAM SVÀHÀ  
 OM DVÀ-DA'SA-RÀ'SÌNÀM SVÀHÀ  
 OM SARVA-VIDYE HÙM HÙM PHAT SVÀHÀ



TINH CÚNG MAN ĐA LA

\_ Phẩm **Cát Tường Thành Tựu** trong Kinh **Kim Cương Tú Thành Tựu** ghi là: Nay Ta nói về Mật Pháp thành tựu tối diệu của Thế Gian. Các Tú (Nakṣatra) như vậy vận hành ở Hư Không. Hoặc 1,2,3,4,5 ... lâm vào Mệnh Tú, Đối Xung Tú, Thiên Di Tú, Đại Sát Nghiệp Tú, An Tú, Bạc Tương Tú, Nô Tỳ Tú của chúng sinh mà gây các ách hại. Bốn Diệu (Grahà) đại ác là Hỏa Diệu, Thổ Diệu, La Hầu, Kế Đô thì rất nặng đối với chúng sinh. Lúc đó nên tu các Phước Nghiệp, bố thí rộng rãi, hiền lành, nhân nghĩa. Hoặc y theo Văn Thù Bát Tự Chân Ngôn, hoặc y theo Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh, hoặc y theo Bị Diệp Y Quán Âm, hoặc y theo Nhất Tự Vương Phật Đỉnh lập Đàn Trường **Hộ Ma Tức Tai** to lớn đều y theo Bản Pháp Niệm Tụng cúng dường thì tất cả tai nạn tự nhiên tiêu diệt.

Tác Pháp Thành Tựu thì vào lúc Tâm Tú (Jeṣṭha) trực nhật, Liễu Tú (À'sleṣà) trực nhật, Mão Tú (Kṛtikà) trực nhật, Ngưu Tú (Abhijit) trực nhật chẳng kể ngày tháng cát hung chỉ ở Tú trực nhật này, trong một ngày chẳng ăn chỉ niệm tụng mãn 1080 biến thì mọi Tâm Nguyên sẽ tương ứng liền được Đại Tất Địa.

\_ Nếu lúc bị ách nạn thì vào ngày sinh của mình (Bản Sinh Nhật) là tương ứng tốt nhất

\_ Nếu tác Mộc Diệu Thành Tựu Pháp thì vào ngày 16 của tháng là tương ứng tốt nhất

\_ Nếu tác Hỏa Diệu Thành Tựu Pháp thì lựa ngày trực nhật ấy là tương ứng tốt nhất

\_ Nếu tác Thổ Diệu Thành Tựu Pháp thì ngày mồng 7 của mỗi tháng là tương ứng tốt nhất

\_ Nếu tác Kim Diệu Thành Tựu Pháp thì tùy theo sở kiến phương bình đán (? Buổi sáng sớm của phương nhìn thấy) là tương ứng tốt nhất

\_ Nếu tác Thủy Diệu Thành Tựu Pháp thì y theo Thủy Diệu trực nhật mà tác thành tựu

\_ Nếu tác La Hầu, Kế Đô Pháp thì y theo ngày sinh của mình (Bản Sinh Nhật) mà làm tương ứng

\_ Nếu lại cúng dường **Bản Sinh Tú** thì dùng năm tháng sinh của mình (Bản Sinh Niên Nguyệt)

\_ Nếu dùng ngày sinh của mình thì có thể gạt lấy thành tựu

\_ Nếu Ác Tú sinh thì mỗi tháng đều cúng dường

\_ Nếu 3 ngày, 7 ngày cúng dường thì chuyển thành Cát Tường Trực Điều Mật này đừng để cho người tục biết vậy

1\_ **Sinh Niên Thần**: gọi là Bản Mệnh Sinh Thần.

Ví dụ: Người sinh năm Giáp Tý thì dùng Giáp làm duyên, dùng Tý làm Đồng Mệnh Thần.

2\_ **Sinh Nguyệt Thần**: gọi là Bản Mệnh Nguyệt Thần giao cho Nguyệt Thần, giao cho Tháng mà dựng nên

Ví dụ: Người sinh tháng 01, dùng Dần làm Bản Mệnh Nguyệt Thần thời có thể thấy cát hung.

3\_ **Sinh Nhật Thần**: gọi là Bản Mệnh Nguyên Thần.

Ví dụ: Người sinh ngày Tý thời dùng Tý Thần làm Nguyên Thần.

4\_ **Sinh Thời Thần**: gọi là Bản Mệnh Nguyên Thần.

Ví Dụ: Người sinh giờ Tý thì dùng giờ Tý để thấy cát hung.

Tìm **NGUYÊN THẦN** theo năm sinh:

Năm sinh	Bản mệnh Tinh	Nguyên Thần	
		Nam	Nữ
Tý	Tham Lang	Vũ Khúc (Mùi)	Vũ Khúc (Ty)
Sửu	Cự Môn	Phá Quân (Ngọ)	Liêm Trinh (Thân)
Dần	Lộc Tồn	Văn Khúc (Dậu)	Vũ Khúc (Mùi)
Mão	Văn Khúc	Liêm Trinh (Thân)	Lộc Tồn (Tuất)
Thìn	Liêm Trinh	Cự Môn (Hợi)	Văn Khúc (Dậu)
Ty	Vũ Khúc	Lộc Tồn (Tuất)	Tham Lang (Tý)
Ngọ	Phá Quân	Cự Môn (Sửu)	Cự Môn (Hợi)
Mùi	Vũ Khúc	Tham Lang (Tý)	Lộc Tồn (Dần)
Thân	Liêm Trinh	Văn Khúc (Mão)	Cự Môn (Sửu)
Dậu	Văn Khúc	Lộc Tồn (Dần)	Liêm Trinh (Thìn)
Tuất	Lộc Tồn	Vũ Khúc (Ty)	Văn Khúc (Mão)
Hợi	Cự Môn	Liêm Trinh (Thìn)	Phá Quân (Ngọ)

**Nguyên Thần** là sao phòng hộ lúc nhập vào Thai  
**Bản Mệnh Tinh** là sao phòng hộ lúc ra khỏi Thai

**Bản Mệnh Cung** (dùng tháng sinh để biết):

Tháng	Cung	Diệu Vị
01	Sư Tử Cung	Nhật Vị
02	Song Nữ Cung	Thủy Vị
03	Xứng Lượng Cung	Kim Vị
04	Yết Trùng Cung	Hoả Vị
05	Cung Cung	Mộc Vị
06	Ma Kiệt Cung	Thổ Vị
07	Bảo Bình Cung	Thổ Vị
08	Song Ngư Cung	Mộc Vị
09	Bạch Dương Cung	Hoả Vị
10	Ngưu Mật Cung	Kim Vị
11	Phu Phụ Cung	Thủy Vị
12	Bàng Giải Cung	Nguyệt Vị

**Bản Mệnh Diệu** dùng tháng của người sinh tìm sao Diệu, làm Bản Mệnh Diệu.

**Bản Mệnh Tú** (Dùng ngày sinh để biết):

Tháng	Ngày	Tú
01	01	Thất Tú
02	01	Khuê Tú
03	01	Vị Tú
04	01	Tất Tú
05	01	Sâm Tú
06	01	Quỷ Tú
07	01	Trương Tú
08	01	Giác Tú
09	01	Đê Tú
10	01	Tâm Tú
11	01	Đẩu Tú
12	01	Hư Tú

Từ ngày đầu tháng, tính đếm đến ngày sinh dựa theo thứ tự 28 TÚ: Ngang, Tất, Tuy, Sâm, Tĩnh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn, Giác, Kháng, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ, Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích, Khuê, Lâu, Vị ... sẽ biết được Nhật Tú, tức là **Bản Sinh Nhật Tú**

**\_ Bản Mệnh Tinh Cúng:**

Chính giữa: Bản Mệnh Tinh

Bên trái: Bản Mệnh Diệu

Bên phải: Bản Mệnh Tú

Dùng **Bát Tự Văn Thù Chân Ngôn**, hoặc có thể tụng thêm **Diễm Ma Thiên**

Hạn tuổi

Sao								Cát hung
La Hầu	1	10	19	28	37	46	55	Đại hung
Thổ Diệu	2	11	20	29	38	47	56	Đại hung
Thủy Diệu	3	12	21	30	39	48	57	Tiểu Cát
Kim Diệu	4	13	22	31	40	49	58	Tiểu hung
Nhật Diệu	5	14	23	32	41	50	59	Đại Cát
Hoả Diệu	6	15	24	33	42	41	60	Đại hung
Kế Đô	7	16	25	34	43	52	61	Đại hung
Nguyệt Diệu	8	17	26	35	44	53	62	Đại Cát
Mộc Diệu	9	18	27	36	45	54	63	Đại cát

**Thỉnh Triệu Chư Thiên Chân Ngôn là:**

ॐ नमःसमन्तवृक्षेभ्यः सुं सर्व देवतान् ॐ वक्रुते प्रसृष्टे मम चक्रे  
 क्व इह कुरुं देवते विम्वं प्रपु विरिणे नक्षत्रं पृथिव्यं अक्षि  
 णे सुद

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM \_ OM SARVA DEVATÀNÀM  
 EHYEHI ÀDITYA, SOMA , PAÑCA NAKṢATRA , RÀHU, KETU,  
 DVADA'SA VIMANA, AṢṬA VIM'SATÌ NAKṢATRA, PRTHÌVYE, TAKKI  
 HÙM JAḤ \_ SVÀHÀ

**Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh Ấn là:**

Hai tay cài chéo nhau bên trong rồi nắm quyền. Hợp cứng 2 ngón giữa, đều co ngón trỏ ở phía sau ngón giữa như hình cái chày Kim Cương, đem 2 ngón cái đè lên vạch lông thứ hai của ngón giữa.



**Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh Chân Ngôn là:**





## KINH CÁC TINH MẪU ĐÀ LA NI

Hán dịch: Sa Môn PHÁP THÀNH ở chùa Cam Châu Tu Đa dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavam) trụ trong làng xóm lớn ở nơi hoang vắng. Chư **Thiên** (Deva) với **Rồng** (Nàga), **Dược Xoa** (Yakṣa), **Càn Thát Bà** (Gandharva), **A Tu La** (Asura), **Ca Lô La** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kinnara), **Mạc Hồ Lạc Ca** (Mahoraga), các **Ma** (Màra), **Nhật** (Àditya), **Nguyệt** (Soma), **Huỳnh Hoặc** (Amṅaraka), **Thái Bạch** ('Sukra), **Trần Tinh** ('Sanai'scara), **Dư Tinh** (Budha), **Tuế Tinh** (Vṛhaspati), **La Hầu** (Ràhu), **Trường Vĩ Tinh Thân** (Ketu), **28 Tú** (Aṣṭa-vim'sati-nakṣtra), các Đại Chúng... thấy đều khen ngợi câu Thệ Nguyện của các **Đại Kim Cương** (Mahà-vajra), uy nghiêm ngồi trên **tòa Sư Tử** (Simhàsana) trang nghiêm cùng với các Bồ Tát đồng tụ hội một chỗ

Tên các vị ấy là: **Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-Pàṇi), **Kim Cương Phần Nộ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-caṇḍa), **Kim Cương Bộ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-càpahasta), **Kim Cương Cung Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-vikurvita), **Kim Cương Chủ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-adhipati), **Kim Cương Trang Nghiêm Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-alamkàra), **Kim Cương Quang Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra- jyoti), **Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát** (Avalokite'svara), **Phổ Kiến Bồ Tát Ma Ha Tát** (Samanta-avalokite'svara), **Thế Gian Cát Tường Bồ Tát Ma Ha Tát** (Loka-'sriya), **Liên Hoa Tràng Bồ Tát Ma Ha Tát** (Padma-ketu), **Quảng Diệm Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vikasitavaktra), **Hoa Nhãn Bồ Tát Ma Ha Tát** (Padma-netre), **Diệu Cát Tường Bồ Tát Ma Ha Tát** (Maṃju'srì), **Từ Thị Bồ Tát Ma Ha Tát** (Maitreya)... Các vị Đại Bồ Tát Tăng trước sau vây quanh chiêm ngưỡng nói Pháp. Pháp ấy tên là **Quảng Đại Trang Nghiêm Như Ý Bảo Châu** (Cintamaṇi-mahà-vyùha-alamkàra) với chặng đầu, khoảng giữa, chặng cuối đều tốt lành; câu nghĩa tốt đẹp màu nhiệm không lẫn lộn, **thanh tịnh** (Vi'suddha), **Phạm Hạnh** (Brahma-caryà) trong trắng

Bấy giờ Kim Cương Thủ Bồ Tát quán sát Đại Chúng xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, dùng Thần Lực của mình nhiễu quanh Đức Thế Tôn trăm ngàn vòng, làm lễ rồi trụ trước mặt, giữ vật ngồi dựa của mình, dùng Thiện Giã Phu ngắm nhìn Đại Chúng, đưa Kim Cương Chưởng an trên trái tim của mình rồi bạch Phật rằng:

"Thế Tôn ! Có Ác Tinh (sao xấu ác) kia có hiện tượng phạt cực ác, đủ tâm mãnh lợi; hiện tượng phạt giận dữ não loạn hữu tình, cướp đoạt tinh khí hoặc đoạt tài lợi hoặc cướp đoạt mạng sống, khiến người trường thọ bị đoản thọ. Như vậy nào

loạn tất cả hữu tình. Vì nhóm như vậy nên con nguyện xin Đức Thế Tôn hiển bày Pháp Môn thủ hộ tất cả loài hữu tình”.

Đức Thế Tôn bảo rằng:”Lành thay ! Lành thay ! Ông hay hưng tâm Đại Bi, vì lợi cho tất cả các hữu tình cho nên hỏi Như Lai nghĩa bí mật thâm sâu. Nay ông hãy lắng nghe ! Hãy suy nghĩ cho khéo, Ta sẽ nói Pháp giận dữ phá hoại của Āc Tinh ấy với nói nghĩa bí mật của sự cúng dường, hành thí, niệm tụng

Nếu hành cúng dường sẽ cúng dường  
Nếu làm việc ác sẽ gây ác  
Như vậy các Tinh (ngôi sao) hiện tượng phạt  
Làm sao khiến cho sinh vui vẻ ?  
Chư Thiên cùng với các Phi Thiên  
Nhóm Khẩn Na La với các Rồng  
Các hàng Dược Xoa và La Sát  
Người với Ca Đa, Phú Đa Na  
Các Đại Thần uy đức mãnh lợi  
Sân nô , làm sao mà diệt hết ?  
Ngôn từ bí mật, Pháp cúng dường  
Nay sẽ thứ tự mà tuyên nói

Khi ấy từ trên trái tim của Đức Thích Ca Như Lai phóng ra ánh sáng Du Hý của Tâm Từ nhập vào trong chân tóc trên đỉnh đầu của các Tinh (ngôi sao)

Lúc đó Nhật, Nguyệt, tất cả Tinh Thần từ chỗ ngồi đứng dậy đem các cung Trời cúng dường Đức Thích Ca Như Lai, quỳ gối sát đất, chấp tay làm lễ rồi bạch Phật rằng:”Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Cúng Chính Chân Đẳng Giác vì lợi ích cho chúng con ! Nguyện xin Đức Thế Tôn tuyên nói Pháp Môn khiến cho chúng con tụ tập để thủ vệ, phòng hộ bậc Thầy nói Pháp, khiến được may mắn tốt lành, xa lìa đao gậy, tiêu diệt thuốc độc, tác kết Giới”

Bấy giờ Đức Thích Ca Như Lai liền nói Pháp **Cúng Dường Tinh** với dùng Mật Ngôn Đà La Ni là:

**Ān, mô hô la ca gia, toa ha** (OM MEGHOLKÀYA SVÀHÀ)

**Ān, thi đang xa tế, toa ha** (OM ‘SITÀM’SAVE SVÀHÀ)

**Ān, lạc lạc đương già câu ma la dã, toa ha** (OM RAKTÀMGA-KUMÀRÀYA SVÀHÀ)

**Ān, báo hiệt dã, báo hiệt dã, toa ha** (OM BUDHÀYA BUDHÀYA SVÀHÀ)

**Ān, báo già, a tất bà hiệt thế, toa ha** (OM VRHASPATAYE SVÀHÀ)

**Ān, ha tu la tát đa ma dã, toa ha** (OM ASURA-UTTAMÀYA SVÀHÀ)

**Ān, cật lý tất nang bá la na dã , toa ha** (OM KṚṢṆA-VARṆÀYA SVÀHÀ)

**Ān, a mật đa tất lý gia, toa ha** (OM AMṚTA-‘SRÌYA SVÀHÀ )

**Ān, tạ để yết đa tế, toa ha** (OM JYOTIḤ-KETAVE SVÀHÀ)

Kim Cương Thủ ! Đây tức là Tâm Chú bí mật của tám Tinh (ngôi sao) , đọc tụng liền thành tựu. Nên làm một cái Đàn hương dài 12 ngón tay, trong đó bày vật cúng dường. Hoặc dùng vật khí bằng sành sứ, hoặc đồng, hoặc vàng , bạc... phụng hiến cúng dường, mỗi một lần cúng dường nên tụng 108 biến.

Kim Cương Thủ ! Sau đó tụng ngôn từ bí mật của **Chư Tinh Mẫu Đà La Ni** này đầy đủ bảy biến thì tất cả các Tinh (ngôi sao) sẽ làm ủng hộ, hết thấy sự nghèo túng đều được giải thoát, mạng tướng muốn dứt sẽ được sống lâu.

Kim Cương Thủ ! Nếu Bất Sô, Bất Sô Ni, Ô Ba Sách Ca, Ô Ba Tư Ca với loài hữu tình khác... nếu lỡ tai được nghe qua sẽ chẳng bị chết yểu.

Kim Cương Thủ ! Trong **Chư Tinh Đàn** bày cúng dường xong, mỗi ngày đọc tụng thì tất cả các Tinh (ngôi sao) đó vì ước nguyện của vị Thầy nói Pháp ấy sẽ khiến cho đầy đủ và các việc nghèo túng, đồng loại với điều ấy đều được tiêu diệt

Bấy giờ Đức Thích Ca Như Lai liền nói **Chư Tinh Mẫu Đà La Ni**. Tức nói Chú là:

**Nam mô phật đà gia (NAMO BUDDHÀYA)**

**Nam mô bà tạt-la đà la gia (NAMO VAJRA-DHARÀYA)**

**Nam ma bát ma đạt la gia (NAMAḤ PADMA-DHARÀYA)**

**Nam ma tát bà già la ha (NAMAḤ SARVA GRAHÀ)**

**Nam ma tát bà a xa ba la bổ ca nam (NAMAḤ SARVA-A'SÀPARIPÙRAKÀNÀM)**

**Nam ma nặc xa đa la nam (NAMAḤ NAKṢATRÀNÀM)**

**Nam ma đỏa đa xa la thi nam (NAMAḤ DVÀDA'SA-RÀ'SÌNÀM)**

**Đát tha : Một để, một để (TADYATHÀ: BUDDHE BUDDHE)**

**Bá trất la, bá trất la (VAJRA VAJRA)**

**Bát minh, bát minh (PADME PADME)**

**Sa la. sa la (SARA SARA)**

**Bát sa la, bát sa la (PRASARA PRASARA)**

**Tam bà la, tam bà la (SMARA SMARA)**

**Cơ đa gia, cơ đa gia (KRÌḌA KRÌḌA)**

**Ma la ma la (MARA MARA)**

**Ma cật đà, ma cật đà (MARDA MARDA)**

**Già hiệt gia (GHATAYA)**

**Tát bà bích kiến (SARVA VIGHNÀM)**

**Câu lỗ, câu lỗ (KURU KURU)**

**Tấn na, tấn na (CHINDA CHINDHA)**

**Khất xá ba gia, khất xá ba gia (KṢEPAYA KṢEPAYA)**

**Phiến chi công đê ('SÀNTI KUṆḌE)**

**Hiệt ma gia, hiệt ma gia (NAMÀYA NAMÀYA)**

**Đốt lỗ đa nễ đạt xa gia, yết ma nam ( TRỪ SADHÀRI ‘SAYA KARMÀNÀM)**

**Bạc già bạc đế (BHAGAVATI)**

**Lạc xoa gia, lạc xoa gia (RAKṢÀYA RAKṢÀYA)**

**Ma na bà ba lý ba lam (MANA SAPARIVÀRÀM)**

**Sa la ba la đô vương tất trà (SARVA SATVÀNÀM CA)**

**Tát bà cật ha (SARVA-GRAHÀ)**

**Na khát xa đa la (NAKṢATRA)**

**Pha đa ma bá nễ (PADMA-PÀṆE)**

**Bá la nễ (PÙRANI)**

**Bá la bạc già bạc đế (PARA-BHAGAVATI)**

**Ma ha ma duệ (MAHÀ-MÀYE)**

**Tát đà gia đốt tất trà ma xa gia (SARVA DUṢṬÀM NÀ’SAYA)**

**Ba ba nễ (APÀPANI)**

**Ma tán đế tán đế (MÀ CAṆḌE CAṆḌE)**

**Đô lỗ đô lỗ (DHURU DHURU)**

**Tán đế mưu du mưu du (CAṆḌE MUSU MUSU)**

**Tư mưu tư mưu, ha bà ha tế (CUMU CUMU HAVÀ HAVE)**

**Ốc cật lý ốc cật ha (UGRE UGRA)**

**Đa mê bố la gia mê (DHAPE PÙRAYA ME)**

**Mạt nỗ đa lam (MANORTHAM)**

**Tát bà di tha ca đa (SARVA TATHÀGATA)**

**A đê tất đê (ADHIṢṬHITE)**

**Sa ma gia toa ha (SAMAYA SVÀHÀ)**

**Ấn toa ha (OM SVÀHÀ)**

**Hồng toa ha (HÙM SVÀHÀ)**

**Hột lý toa ha (HRÌH SVÀHÀ)**

**Hồng toa ha (HÙM SVÀHÀ)**

**Di hàng toa ha (DHÌH SVÀHÀ)**

**Bát ma hiệt la toa ha (PADMA-DHARA SVÀHÀ)**

**A trất đá gia toa ha (ÀDITYA SVÀHÀ)**

**Tô ma gia toa ha (SOMÀYA SVÀHÀ)**

**Hiệt la nễ tu đa gia, toa ha (DHARAṆÌ-SUTÀYA SVÀHÀ)**

**Một tha gia, toa ha (BUDHÀYA SVÀHÀ)**

**Bột đa tất tất ba đê duệ, toa ha (VRHASPATAYE SVÀHÀ)**

**Tịch gia la gia, toa ha (‘SUKRÀYA SVÀHÀ)**

**Cật xa na bạt na gia, toa ha (‘SANI’SÇÀYA SVÀHÀ)**

**La ha tế, toa ha (RÀHAVE SVÀHÀ)**

**Điểu đa tế, toa ha (KETAVE SVÀHÀ)**

**Một tha gia, toa ha (BUDDHÀYA SVÀHÀ)**



**Bá tạt la đạt la gia, toa ha (VAJRA-DHARÀYA SVÀHÀ)**  
**Bát ma hiệt la, toa ha (PADMA-DHARA SVÀHÀ)**  
**Câu ma la gia, toa ha (KUMÀRÀYA SVÀHÀ)**  
**Nặc khất xa đa la nan, toa ha (NAKṢATRÀNÀM SVÀHÀ)**  
**Tát bà điểu bát đa la bá nan, toa ha (SARVA-UPADRAVÀṆÀM SVÀHÀ)**  
**Ấn, tát bà bá tỳ đế bát bát, toa ha (OM SARVA-VIDE PHAT PHAT SVÀHÀ)**

Kim Cương Thủ ! Đây là câu Chú bí mật của **chữ Tinh Mẫu Đà La Ni** thành biện tất cả căn bản của các việc.

Kim Cương Thủ ! Câu Chú bí mật của Đà La Ni này, từ tháng chín, ngày bảy (07) của kỳ Bạch Nguyệt thì bắt đầu làm, đầy đủ trường tịnh (trong sạch lâu dài) đến ngày 14 cúng dường các Tinh (ngôi sao) rồi ngày 15 của tháng thọ trì

Nếu có thể ngày đêm đọc tụng, cho đến đủ chín năm thì không sợ chết, cũng không có sao lưu chuyển (tinh lưu) rơi rụng gây sợ hãi . Cũng không có Nguyệt Tú gây điều ác đáng sợ mà nhờ Túc Mệnh. Cũng hay cúng dường tất cả các Tinh (ngôi sao) . Tất cả các Tinh (ngôi sao) tùy theo ước nguyện mà trao cho.

Bấy giờ các Tinh (ngôi sao) lễ Đức Thế Tôn xong liền khen rằng:”*Lành thay!*” rồi đột nhiên chẳng hiện

KINH CÁC TINH MẪU ĐÀ LA NI  
\_MỘT QUYỂN (Hết)\_

Hiệu chỉnh xong ngày 02/12/2008

Mật Tạng Bộ.4 \_ No.1303 ( Tr.421\_ Tr.422 )

## PHẬT NÓI KINH THÁNH DIỆU MẪU ĐÀ LA NI

Hán dịch : Truyền Giáo Đại Sư PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch  
Việt dịch : HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Phật ngự tại Đại Thành A Noa Ca Phộc Đế (Anāḍakavati). Bấy giờ có vô số Trời (Deva), Rồng (Nāga), Dạ Xoa (Yakṣa), Càn Đát Bà (Gandharva), A Tu La (Asura), Ca Lôu La (Garuḍa), Khẩn Na La (Kinnara), Ma Hầu La Gia (Mahoraga), Người (Manusya), Phi Nhân (Amanusya) với Mộc Tinh (Vṛhaspati), Hỏa Tinh (Aṅgāraka), Kim Tinh (‘Sukra), Thủy Tinh (Budha), Thổ Tinh (‘Sanai’scara), Thái Âm (Soma), Thái Dương (Àditya), La Hầu (Rāhu), Kế Đô (Ketu), 28 Diệu (?28 Tú) (Aṣṭa-vim’sata-nakṣatra) của nhóm như vậy cung kính vây quanh.

Kim Cương Tam Muội Trang Nghiêm Đạo Trường này lại có vô số ngàn Bồ Tát Ma Ha Tát chúng. Tên các Vị ấy là : Kim Cương Thủ Bồ Tát (Vajra-Pāṇi), Kim Cương Phần Nộ Bồ Tát (Vajra-caṇḍa), Kim Cương Quân Bồ Tát (Vajrasena), Kim Cương Bá Ni Bồ Tát (Vajra-cāpahasta), Kim Cương Chủ Bồ Tát (Vajra-adhipati), Kim Cương Trang Nghiêm Bồ Tát (Vajra-alamkāra), Kim Cương Minh Bồ Tát (Vajra- jyoti), Kim Cương Số Bồ Tát (Vajra-vikrama), Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokite’svara), Phổ Quán Thế Bồ Tát (Samanta-avalokite’svara) , Cát Tường Bồ Tát (Loka-‘srīya), Liên Hoa Tràng Bồ Tát (Padma-ketu), Liên Hoa Tạng Bồ Tát (Padma-garbha), Liên Hoa Mục Bồ Tát (Padma-netre), Từ Thị Bồ Tát (Maitreya), Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát Ma Ha Tát (Maṃju’srī-dharma-rāja-putra). Các Vị Đại Bồ Tát của nhóm như vậy cung kính vây quanh.

Đức Phật vì tất cả mà thuyết Pháp: Sơ thiện, Trung thiện, Hậu thiện. Nghĩa đó thâm sâu, ngôn ngữ sảo diệu, thuần nhất không tạp, đầy đủ thanh bạch, trang nghiêm như ý.

Lúc đó Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, dùng sức thần thông nhiều quanh bên phải Đức Thế Tôn trăm ngàn vòng, cúi đầu làm lễ rồi ngồi Kiết Già, dùng mắt thanh tịnh quán sát Đại Chúng xong liền chấp tay Kim

Cương bạch với Đức Thế Tôn rằng :” Có các Tú Diệu, hình mạo hung ác, tâm nhiều phẫn nộ, não hại chúng sinh. Hoặc chặt đứt mệnh căn, hoặc tổn hoại tài bảo của con người, hoặc làm giảm sút tinh thần của con người, hoặc cần tuổi thọ của con người. Như vậy gây tổn não cho tất cả chúng sinh. Nguyện xin Đức Thế Tôn nói Pháp Chính Mật để tác ủng hộ “

Đức Phật bảo :” Lành thay ! Lành thay ! Ông có lòng Từ Mẫn, hay vì lợi ích cho tất cả chúng sinh mà hỏi về Pháp bí mật tối thượng của Như Lai. Nay ông hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì ông mà nói.

Này Kim Cương Thủ ! Các Tú Diệu ác cùng với hàng Trời, Rồng , Dạ Xoa, Càn Đát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhân, Phi Nhân.....như vậy, nên dùng nước Át Già tối thượng, âm nhạc... y theo Pháp gia trì, mỗi mỗi cúng dường khiến cho họ vui vẻ diệt trừ các ác “

Thời ở ngay trong trái tim của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tuôn ra ánh hào quang lớn tên là BI QUANG nhập vào đỉnh đầu các Tú Diệu. Trong khoảng sát na tất cả Tú Diệu với nhóm Nhật, Nguyệt liền từ chỗ ngồi đứng dậy cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật rồi quỳ gối phải sát đất chấp tay cung kính bạch với Đức Phật rằng :” Thế Tôn ! Đức Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác ! Nguyện xin ban ân nhiếp thọ ! Hãy vì chúng con mà nói Chính Pháp . Nếu chúng con nghe được sẽ ủng hộ Hữu Tình , khiến cho họ không có não hại cùng với hết thấy sự cấm buộc cột trói (Cấm Phộc ) đao kiếm, Độc trùng, tất cả thứ bất độc . Con sẽ kết Địa Giới để tác ủng hộ “

Bấy giờ Đức Thích Ca Như Lai liền nói CÚNG DƯỜNG TÚ DIỆU CHÂN NGÔN :

**Án\_ Minh củ la-ca dã\_ Sa-phộc hạ ( OM MEGHOLKÀYA SVÀHÀ )**

**Án \_ Thi đán xả vĩ\_ Sa-phộc hạ ( OM ‘SANIḤ ‘SCETE SVÀHÀ )**

**Án \_ Lạc khát-đán nga câu ma la dã \_ Sa-phộc hạ ( OM ‘SUKRAḤ KUMÀRÀYA SVÀHÀ )**

**Án \_ Mạo đà dã, mạo đà dã \_ Sa-phộc hạ ( OM BUDHÀYA BUDHÀYA SVÀHÀ )**

**Án \_ Bộ nga sa-ba na dã \_ Sa-phộc hạ ( OM VRHASPATÀYA SVÀHÀ )**

**Án \_ A tô la tát đa ma dã \_ Sa-phộc hạ ( OM ASURA -UTTMÀYA SVÀHÀ )**

**Án \_ Khất-lý sắt-noa phộc la-noa dã \_ Sa-phộc hạ ( KRṢṆA-VARṆÀYA SVÀHÀ )**

**Án \_ A mật-lý đa bát-lý dạ dã \_ Sa-phộc hạ ( OM AMṚTA ‘SRÌYÀYA SVÀHÀ )**

**Án \_ Nhũ để kế đa phệ \_ Sa-phộc hạ ( OM JYOTIḤ-KETAVE SVÀHÀ )**

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Chân Ngôn xong liền bảo Kim Cương Thủ Bồ Tát rằng :” Cử Diệu Chân Ngôn như vậy, người niệm đều được thành tựu. Trước hết nên y theo Pháp dùng nước thơm xoa Man Noa La ( Đàn Trường ) rộng 12 ngón tay. Hoặc dùng vật khí bằng vàng bạc, hoặc vật bằng đồng, vật bằng sành sứ hiến nước

Át Già cúng dường Tinh Diệu, dùng Chân Ngôn trước đều niệm 108 biến thì việc mong cầu ắt đều thành tựu “

Đức Phật bảo :” Nay Kim Cương Thủ Bồ Tát ! Nay Ta lại nói Đà La Ni tên là THÁNH DIỆU MẪU có sức lực của Đại Minh hay làm việc ủng hộ . Tất cả Tú Diệu nghe được đều vui vẻ . Nếu có Bất Sô, Bất Sô Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di nghe Kinh Điển này ở Man Noa La hiển Át Già cúng dường, niệm Chân Ngôn này 7 biến liền được giàu có, cao sang, trường thọ . Nếu mỗi ngày đều trì tụng thì tất cả Tú Diệu ấy hay làm cho thỏa mãn tất cả ý nguyện của Hữu Tình.

TÚ DIỆU MẪU ĐÀ LA NI là :

**Năng mô la đất-năng đất-la dạ dã ( NAMO RATNATRÀYÀYA )**

**Năng mô một đà dã ( NAMO BUDDHÀYA )**

**Năng mô phộc nhật-la đà la dã ( NAMO VAJRA DHÀRÀYA )**

**Năng mô bát nại-ma đà la dã ( NAMO PADMA DHÀRÀYA )**

**Năng mô tát phộc cật-la ha nản\_ Tát phộc thương bà li bố la ca noãn (NAMO SARVA GRAHÀṆAM \_ SARVA A'SAM PARIPÛRAKAṆAM )**

**Năng mô nhược khát-xoa đất-la noãn ( NAMO NAKṢATRAṆAM )**

**Năng mô nạp-phộc na xá la thi nam (NAMO DVÀ- DA'SA RṢINAM)**

**Đất nễ-dã tha : Án \_ Một đệ ( TADYATHÀ : OM BUDDHE )**

**Phộc nhật-lý, phộc nhật-lý ( VAJRI VAJRI )**

**Bát nại-mính ( PADMI )**

**Sa la. Sa la ( SARA SARA )**

**Bát-la sa la, bát-la sa la ( PRASARA PRASARA )**

**Sa-ma la, sa-ma la ( SMARA SMARA )**

**Khất-lý noa dã, khất-lý noa dã ( GRṆÀYA GRṆÀYA )**

**Mạt lý-noa dã ( VARṆÀYA )**

**Già đa dã, già đa dã ( JATÀYA JATÀYA )**

**Tát phộc vĩ cận-năng ( SARVA VIGHṆAM )**

**Cụ lỗ, cụ lỗ ( KURU KURU )**

**Thân na, thân na ( CCHINDA CCHINDA )**

**Tần na, tần na ( BHINDA BHINDA )**

**Sát bả dã, sát bả dã ( STAMBHÀYA STAMBHÀYA )**

**Phiến đế, phiến đế ( 'SÀNTI 'SÀNTI )**

**Nan đế, nan đế ( NÀNDE NÀNDE )**

**Na ma dã, na ma dã ( NAMÀYA NAMÀYA )**

**Nạp-lỗ đất na lệ xá dã tát-ma nam ( TRÙ SADHÀRI 'SAYA ATMANAM )**

**Ma Ma ( MAMA )**

**Lạc khát-xoa, lạc-khất xoa ( RAKṢA RAKṢA )**

**Tát phộc tát đất-phộc thất tả ( SARVA SATVANAM CA )**

**Tát phộc nhược khát-sát đất-la, khát-la ha bế nản ( SARVA NAKṢATRA GRAHEBHYAḤ )**

**Ma nễ li-phộc la duệ ( MADIRVARÀYE )**  
**Bà nga phộc đế ( BHAGAVATI )**  
**Ma hạ ma duệ , bát-la sa đà dã ( MAHÀ MAYE PRASÀDHÀYA )**  
**Tát phộc bá bá nễ di ( SARVA PÀPAN IME )**  
**Tát phộc tát đát-phộc nan ( SARVA SATVANÀM )**  
**Tán ni, tán ni ( CANDI CANDI )**  
**Độ lỗ, độ lỗ ( DHURU DHURU )**  
**Ba nga phộc đế ( BHAGAVATI )**  
**Tán ni, tán ni ( CANDI CANDI )**  
**Tô mẫu, tô mẫu ( SUMU SUMU )**  
**Tổ mẫu, tổ mẫu ( CUMU CUMU )**  
**Bà phộc bà phệ ( BHAVA BHAVE )**  
**Ô cật-li, ô cật-la ( UGRI UGRA )**  
**Đa bế bố la dã ( DHAPE PÙRÀYA )**  
**Ma ma ( MAMA )**  
**Tát phộc tát đát-phộc nan tả ( SARVA SATVANÀM CA )**  
**Ma nỗ la tha ( MANORTHA )**  
**Tát phộc đát tha nga đa địa sắt-xỉ đa tam bà duệ\_ Sa-phộc hạ ( SARVA**  
**TATHÀGATA ADHIṢṬITA SAMBHAVE \_ SVÀHÀ )**  
**Án \_ Sa-phộc hạ ( OM SVÀHÀ )**  
**Hồng \_ Sa-phộc hạ ( HÙM SVÀHÀ )**  
**Ngật-lăng\_ Sa-phộc hạ ( HRIḤ SVÀHÀ )**  
**Thông\_ Sa-phộc hạ ( DHÙḤ SVÀHÀ )**  
**Định\_ Sa-phộc hạ ( DHÌḤ SVÀHÀ )**  
**Phộc nhật-la đà la dã\_ Sa-phộc hạ ( VAJRA DHÀRÀYA SVÀHÀ )**  
**Bát nại-ma đà la dã\_ Sa-phộc hạ ( PADMA DHÀRÀYA SVÀHÀ )**  
**A nãnh đế-dã dã \_ Sa-phộc hạ ( ADITYÀYA SVÀHÀ )**  
**Tô ma dã\_ Sa-phộc hạ ( SOMÀYA SVÀHÀ )**  
**Đà la ni tô đa dã \_ Sa-phộc hạ ( DHÀRAṆI SUTÀYA SVÀHÀ )**  
**Mẫu đà dã\_ Sa-phộc hạ ( BUDHÀYA SVÀHÀ )**  
**Vật-lý hạ tát-ba đa duệ\_ Sa-phộc hạ ( VRHASPATÀYE SVÀHÀ )**  
**Tốc khát-la dã \_ Sa-phộc hạ ( ‘SUKRÀYA SVÀHÀ )**  
**Ngật-lý sắt-noa phộc la-noa dã \_ Sa-phộc hạ ( KRṢṆA-VARṆÀYA**  
**SVÀHÀ)**  
**La hạ phệ\_ Sa-phộc hạ ( RAHÙVE SVÀHÀ )**  
**Ca đa phệ\_ Sa-phộc hạ ( KETÙVE SVÀHÀ )**  
**Một đà dã\_ Sa-phộc hạ ( BUDDHÀYA SVÀHÀ )**  
**Phộc nhật-la đà la dã\_ Sa-phộc hạ ( VAJRA DHÀRÀYA SVÀHÀ )**  
**Bát na-ma đà la dã\_ Sa-phộc hạ ( PADMA DHÀRÀYA SVÀHÀ )**  
**Câu ma la dã \_ Sa-phộc hạ ( KUMALÀYA SVÀHÀ )**



**Nhược khật-xoa đát-la nản\_ sa-phộc hạ ( NAKṢATRAṆĀM SVÀHÀ )**

**Tát lý vũ ba na-la phộc nản\_ Sa-phộc hạ ( SARVA UPADRAVAṆĀM SVÀHÀ )**

**Ấn\_ Tát li-phộc vĩ nễ, hồng, phát tra \_ Sa-phộc hạ ( OM SARVA VIDE HÙM SVÀHÀ ).**

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong , liền bảo Kim Cương Thủ Bồ Tát rằng :” Nay, bí mật tối thượng của Chân Ngôn này là hay cho chúng sinh mãn tất cả nguyện. Nếu có người cầu sự trường thọ thì vào ngày mồng bảy tháng tám bắt đầu thọ trì trai giới đến đêm ngày 14 y theo Pháp cúng dường Tú Diệu cho đến ngày 15, trong một ngày đêm đọc tụng Đà La Ni này thì người đó sẽ sống lâu đến 99 năm. Hết thấy hàng Lôì Điệ̉n, Rông, Quỷ, các Tinh Diệu ác đều chẳng có thể gây sợ hãi. Lại được Túc Mệnh Trí, mọi sở nguyện đều như ý “

Khi ấy tất cả Tú Diệu nghe lời Đức Phật nói đều khen ngợi rằng :” Lành thay! Lành thay! Thật là hiếm có ! Chúng con xin thọ trì “ Nói xong liền cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi đột nhiên chẳng hiện.

### PHẬT NÓI KINH THÁNH DIỆU MẪU ĐÀ LA NI ( Hết )

Do 2 bài Chân Ngôn trong Kinh Bản của chữ Hán (No.1302 và No.1303), phiên âm tiếng Phạn có sai khác, nên phần phục hồi Phạn Ngữ không được chuẩn xác.

Nay tôi xin dùng bản Phạn “**Àrya-graha-màtrkà Nàma Dhàraṇi**” của trang **Dharani-sangraha** (Nepal) ghi chép lại để người đọc tham khảo.

#### 1\_ Cúng Dường Tú Diệu Chân Ngôn:

OM MEGHOLKÀYA SVÀHÀ

OM ‘SITÀM’SÀVE SVÀHÀ

OM RAKTÀṆGA-KUMÀRÀYA SVÀHÀ

OM BUDHÀYA SVÀHÀ

OM VRHASPATAYE SVÀHÀ

OM ASURA-UTTAMÀYA SVÀHÀ

OM KRṢṆA-VARṆÀYA SVÀHÀ

OM RÀHAVE SVÀHÀ

OM JYOTIḤ-KETAVE SVÀHÀ

#### 2\_ Tú Diệu Mẫu Đà La Ni (Gṛha-màtrka-nàma-dhàraṇi)

OM NAMO RATNA-TRAYÀYA

OM NAMO BUDDHÀYA

OM NAMO DHARMÀYA

OM NAMAḤ SAṆGHÀYA

OM NAMO VAJRA-DHARÀYA  
OM NAMAḤ PADMA-DHARÀYA  
OM NAMAḤ KUMÀRÀYA  
OM NAMAḤ SARVA-GRAHÀÑAM SARVA-A'SÀ-PARIPÛRAKÀÑAM  
OM NAMAḤ NAKSATRÀÑAM  
OM NAMO DVÀ-DA'SA- RÀ'SINÀM  
OM NAMAḤ SARA-UPADRAVÀÑAM  
TADYATHÀ:

OM \_ BUDDHE BUDDHE \_ 'SUDDHE 'SUDDHE \_ VAJRE VAJRE \_  
PADME PADME \_ SARA SARA \_ PRASARA PRASARA \_ SMARA SMARA \_  
KRÌḌA KRÌḌA \_ KRÌḌÀYA KRÌḌÀYA \_ MARA MARA \_ MÀRAYA  
MÀRAYA \_ MARDAYA MARDAYA \_ STAMBHA STAMBHA \_  
STAMBHAYA STAMBHAYA \_ GHATA GHATA \_ GHÀṬAYA GHÀṬAYA \_  
MAMA SARVA-SATTVÀNÀÑCA VIGHNÀN CCHINDA CCHINDA  
BHINDA

SARVA-VIGHNÀN NÀ'SANÀM KURU KURU MAMA  
SAPARIVÀRASYA SARVA-SATTVÀNÀÑCA

KÀRYAM KṢEPAYA KṢEPAYA MAMA SARVA-SATTVÀNÀÑCA  
SARVA-NAKṢATRA-GRAHA-PÌDÀN NIVÀRAYA NIVÀRAYA

BHAGAVATI 'SRÌYAM KURU \_ MAHÀ-MÀYA PRASÀDHAYA  
SARVA-DUṢṬÀN NÀ'SAYA

SARVA-PÀPANI MAMA SAPARIVÀRASYA SARVA-SATTVÀNÀÑCA  
RAKṢA RAKṢA

VAJRE VAJRE \_ CAṄDE CAṄDE \_ CAṄDINI CAṄDINI \_ NURU  
NURU \_ MUSU MUSU \_ MUMU MUMU \_ MUÑCA MUÑCA \_ HAVÀ HAVE  
UGRE UGRA-TARE PÛRAYA

BHAGAVATI MANORATHAM MAMA SARVA-PARIVÀRASYA  
SARVA-SATTVÀNÀÑCA SARVA-TATHÀGATA-ADHIṢṬHITANA-  
ADHIṢṬHITE SVÀHÀ

OM SVÀHÀ

HUM SVÀHÀ

HRÌḤ SVÀHÀ

DHUM SVÀHÀ

DHÌḤ SVÀHÀ

OM ÀDITYÀYA SVÀHÀ

OM SOMÀYA SVÀHÀ

OM DHARAṆÌ-SUTÀYA SVÀHÀ

OM BUDHÀYA SVÀHÀ

OM VRĤASPATAYE SVÀHÀ

OM 'SUKRÀYA SVÀHÀ

OM 'SANT'SCARÀYA SVÀHÀ

OM RÀHAVE SVÀHÀ  
OM KETAVE SVÀHÀ  
OM BUDDHÀYA SVÀHÀ  
OM VAJRA-PÀᅇAYE SVÀHÀ  
OM PADMA-DHARÀYA SVÀHÀ  
OM KUMÀRÀYA SVÀHÀ  
OM SARVA-GRAHÀᅇÀᅇ SVÀHÀ  
OM SARVA-NAKᅇATRÀᅇÀᅇ SVÀHÀ  
OM SARVA-UPADRAVÀᅇÀᅇ SVÀHÀ  
OM DVÀ-DA'SA-RÀ'SÌᅇÀᅇ SVÀHÀ  
OM SARVA-VIDYE HÙᅇ HÙᅇ PHAT SVÀHÀ

Hiệu chỉnh xong ngày 02/12/2008



ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM \_ AH VIRA HUM KHACARAḤ

Nếu muốn cầu Tức Tai, cần diệt hết 7 loại tai nạn là : Mặt trời mặt trăng che khuất, 5 vì sao sai trái mất độ bình thường, binh giặc nổi dậy, nước hạn chẳng đúng thời, gió mưa mất độ, bầy tôi phản nghịch gây tổn hại cho quốc dân, cọp sói thú ác ăn nuốt chúng sinh, lúa gạo (Ngũ cốc) chẳng được mùa. Tai họa như vậy với sự sợ hãi về ách nạn cấp thời thuộc quan phủ và tai ách bị chết thuộc nạn vua chúa... thấy đều tiêu tan.

**Phổ Hiền Ấn:** Chắp tay lại, giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng).



Chân Ngôn là:

“ **Chi ba trác** (Quyết định) **Tỳ ni ba trác** (Cắt đứt cột buộc) **Điều tô ba trác** (chấm dứt sinh tử)”

Chú này , bình thường buổi sáng tụng 7 biến, ban đêm tụng 7 biến thì Yểm My, Dã Đạo, Cổ Độc thấy đều bị tiêu diệt. Hay được 3 Giải Thoát về thân tâm. Sau đời này chẳng thọ thân sinh tử , đắc được Pháp Thân. Bên trong bên ngoài đất nước có oán tặc, tất cả người ác, tất cả Quỷ Thần, tất cả trộm cướp, cọp, sói, sư tử, trùng độc, thú ác nghe âm thanh của Chú này đều bị cấm khẩu chẳng thể gây nhiễu loạn được. Trời thay đổi gây ách nạn, mộng ác, tai ương, trăm loài chim quái dị đều tự nhiên bị tiêu diệt. Chẳng thể nói hết được công năng của Chú này .

**Diên Mệnh Ấn:** Tay trái: ngón Hỏa (ngón giữa) và ngón Phong (ngón trỏ) vịn nhau như cầm hoa sen. Tay phải: duỗi thẳng như buông rũ xuống. Chân Ngôn là:

“**Án \_ Ma chiết la, dụ toái** (Con họ tên là) **sa phộc ha**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM \_ VAJRA ÀYUṢAI ( ..... ) SVÀHÀ

Nếu tụng Chú này sẽ Diên mệnh (sống lâu) trừ tai

**Đế Thích Thiên Ấn:** Tay trái nắm quyền đặt ở eo. Tay phải co lóng giữa của 2 ngón Địa ( ngón út), ngón Thủy (ngón vô danh) thẳng cứng cùng dính nhau, đặt Phong (ngón trỏ) dính vào lưng Hỏa (ngón giữa), co lóng giữa của Không (ngón cái).





Chân Ngôn là :

“ **Án \_ Nhân nại la dã, sa-phộc hạ** ”

ॐ ॐ ह्रीं स्वहा

OM \_ INDRÀYA SVÀHÀ

Nếu tụng Chú này sẽ trao cho quan vị, mãn túc mọi mong cầu

**Tỳ Sa Môn Thiên Ấn:** Chắp tay lại giữa rỗng. Giao 2 Không (2 ngón cái) kèm cứng, 2 Phong (2 ngón trỏ) phụ bên cạnh 2 Hỏa (2 ngón giữa) như đầu móc câu sao cho đầu ngón cách nhau một thốn và chằng chạm dính nhau.



Chân Ngôn là:

“ **Án \_ Phệ thất la phộc noa dã, sa-phộc hạ** ”

ॐ ॐ श्रीं स्वहा

OM \_ VAI'SRAVAṆÀYA SVÀHÀ

Nếu tụng Chú này sẽ được sung túc giàu có lớn, ngày đêm được phòng hộ.

**Nhật Thiên Chân Ngôn là:**

“**Năng mô la đát-năng đát-la dạ dã. Năng mô tô lý dã, tát phộc năng khát-sái đát-la la nhạ dã. Án\_ A mô già ô (Danh vị ... ) Thiết để, sa-phộc hạ**”

ॐ ॐ श्रीं स्वहा

ॐ ॐ सुभ्रु सुभ्रु सुभ्रु सुभ्रु सुभ्रु

ॐ ॐ सुभ्रु सुभ्रु सुभ्रु सुभ्रु सुभ्रु

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMO SÙRYA SARVA NAKṢATRA RÀJÀYA

OM \_ AMOGHASYA (Danh vị .... ) ‘SATRI SVÀHÀ

**Nguyệt Thiên Chân Ngôn là:**

“**Án \_ Chiến đát-la năng khát-sái đát-la la nhạ dã (Danh vị ... ) Thiết để, sa-phộc hạ**”

ॐ ॐ श्रीं स्वहा सुभ्रु सुभ्रु सुभ्रु सुभ्रु सुभ्रु

OM \_ CANDRA NAKṢATRA RÀJÀYA (Danh vị .... ) ‘SATRI SVÀHÀ

**Hỏa Tinh Chân Ngôn là:**

“Án \_ A nga la lố nghi dã (Danh vị ... ) Sa ha”

ॐ अङ्गारका रुद्रिये स्वाहा

OM \_ A ÑGÀRAKA ARUGIYA (Danh vị .... ) SVÀHÀ

**Thủy Tinh Chân Ngôn là:**

“Án\_ mẫu đà năng khát-sái đát-la nễ năng (Danh vị ... ) thể noa ma, sa ha”

ॐ बुद्धा नक्षत्रा स्वामिना खेदुमा स्वाहा

OM \_ BUDHA NAKṢATRA SVÀMINA (Danh vị .... ) KHEDUMA SVÀHÀ

**Mộc Tinh Chân Ngôn là:**

“Án \_ Ba la ha tát bát để năng ma tử đá phộc năng sư (Danh vị ... ) Ma la phộc la đà ninh, sa-phộc hạ”

ॐ वृक्षपाति मपिथवनाया माला वार्थदि स्वाहा

OM \_ VṚHASPATIDHA MAPITHAVNAYA (Danh vị ... ) MALA VARTHADI SVÀHÀ

**Kim Tinh Chân Ngôn là:**

“Án \_ Thú yết la nga đà phộc la nhạ dã (Danh vị ... ) thất lý ca lý, sa-phộc hạ”

ॐ सुक्र गार्वा रुद्रिये श्री करि स्वाहा

OM \_ ‘SUKRA GATHARVA RÀJÀYA (Danh vị ..) ‘SRÌ KARI SVÀHÀ

**Thổ Tinh Chân Ngôn là :**

“Án \_ Xả nê sát tác la , năng khát sát đát la , bả la ha ma năng lố ba dã (Danh vị ..... ) phổ sát để ca lý, sa ha”

ॐ सनास्कारा नक्षत्रा ब्रह्मणा रुपया पुष्टि करि स्वाहा

OM \_ ‘SANAI’SCARA NAKṢATRA BRAHMANA RÙPAYA (Danh vị ..) PUṢṬI KARI SVÀHÀ

**La Hâu Tinh Chân Ngôn là :**

“Án \_ La hộ năng, a tố la la nhạ dã, kiến ma xả đô năng dã (Danh vị ...) phiến để ca lý , sa phộc hạ”

ॐ राहुना असुरा राजाया सोमा सतुनाया स्वाहा

OM \_ RÀHUNA ASURA RÀJÀYA SOMA ‘SATUNAYA (Danh vị ... ) ‘SÀNTI KARI SVÀHÀ

**Kế Đô Tinh Chân Ngôn là :**

“**Án \_ Phộc nhật la kế đô, nãg khát sát đát la, la nhạ đã** (Danh vị .... )  
**hông , sa phộc hạ ”**

ॐ वज्रकेतु नक्षत्र एतद्य हूं सूक्त

OM \_ VAJRA KETU NAKṢATRA RĀJĀYA (Danh vị...) HŪM \_ SVĀHĀ

**Cửu Cháp Diệu Thiên Ấn:** Cháp tay kiên cố, cùng kèm dựng thẳng 2 Không (2 ngón cái) duỗi 2 Phong (2 ngón trỏ) đều mở gốc ngón đưa qua lại.



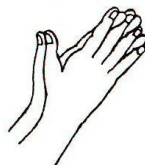
Chân Ngôn là :

“**Án \_ Nghiệt la hệ thấp phộc, lý gia, bát la bát đả, thù đế, ma đã, sa phộc hạ ”**

ॐ ग्रहेश्वर प्रपन्न ज्योतिर्मया सूक्त

OM \_ GRAHE'SVARYA PRĀPTA JYOTIRMAYA SVĀHĀ

**Nhị Thập Bát Tú Ấn :** Cháp tay kiên cố, kèm 2 Không (2 ngón cái) đứng thẳng để ngay trái tim rồi dùng 2 Không (2 ngón cái) triệu mời.



Chân Ngôn là :

“ **Án \_ Nhược khát sái đát la niết tô na nễ duệ, sa ha ”**

ॐ नक्षत्र निरजदानीये स्वहा

OM \_ NAKṢATRA NIRJADĀNIYE \_ SVĀHĀ

Trước tiên cúng dường nhóm Bồ Tát Thiên gồm Hư Không Tạng , Văn Thù, Phổ Hiền, Diên Mệnh, Đế Thích, Tỳ Sa Môn... sau đó khuyến thỉnh 9 Diệu, 28 Tú, Bản Mệnh Thuộc Tinh (Ngôi sao của bản mệnh) trong Thiên Bắc Đẩu và dùng Thái Sơn Phủ Quân, Ty Mệnh, Ty Lộc cúng bái để cầu xin **Trừ Tai Diên Mệnh** tiêu trừ việc ách hại.

**\_Nãg Cát Tường Chân Ngôn là :**

“**Nãg mô la đát nãg đát-la dạ đã . Nãg mộ tố ma tát la phộc nhược khát sái đát la, la nhạ đã giả. Giả đô địa ba, a lộ ca la đã. Đát nễ đã tha: Nễ ma đế bá nễ ma đế tát tân nễ khư tế, sa phộc hạ ”**

नमो रत्नत्रय

नमो नमो सक्त नक्षत्र एतद्य यदुत्थय सत्त्वक एय

नक्षत्र ॐ इत्यय इत्यय च इत्यय सूक्त

NAMO RATNATRAYĀYA

NAMO SOMA SARVA NAKṢATRA RÀJÀYA CATURTHIPA  
ÀLOKARÀYA

TADYATHÀ : OM \_ DUMAPA DUMATISA PANIKHASE SVÀHÀ

Tụng **Cửu Cháp Tức Tai Đại Bạch Y Quán Âm Đà La Ni** này. Nếu mặt trời, mặt trăng ngự tại cung Bản Mệnh của người và 5 vị sao tại cung Bản Mệnh đấu chiến mất độ thì có thể lập Đạo Trường Đại Bạch Y Quán Âm hoặc Văn Thù Bát Tự, Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh... đều y theo Bản Pháp niệm tụng ắt tất cả tai nạn tự nhiên tiêu tán . Tất cả Diệu chẳng Cát Tường mà tụng Chân Ngôn này sẽ thành năng cát tường.

Bắc Đẩu Thất Tinh Chân Ngôn là :

“**Án \_ Táp đá nặng nhi nặng dã, bạu nhạ mật dã, nhiễm phổ tha ma , sa phộc nhĩ năng** (Danh Vị.... ) **la khát sơn bà phộc đố, sa ha**”

ॐ सप्त ऋण्य रुद्र विस्य ऋष्यम सभ्य रक्ष रुद्रु स्र

OM \_ SAPTA JINÀYA BHAÑYA VIJAYA JAMPUTHAMA SVÀMINA  
(Danh Vị.... ) RAKṢA BHAVATU SVÀHÀ

Nếu **La Hâu** (Rahu), **Kế Đô** (Ketu) ám cung Bản Mệnh Tinh của Hành Giả thì nên tụng **Bắc Đẩu Chân Ngôn** này.

Tất cả Như Lai nói **Phá Nhất Thiết Tú Diệu Chương Cát Tường Chân Ngôn** là:

“**Án \_ Tát la phộc nhược khát sát đất la, tam ma duệ, thất lý duệ, phiến đế ca, cụ lỗ, sa phộc hạ**”

ॐ स्र नक्षत्र सम्य श्रिय शिखर कु स्र स्र

OM \_ SARVA NAKṢATRA SAMAYE ‘SRÌYE ‘SÀNTIKA KURU SVÀHÀ

\_ Phẩm **Cát Tường Thành Tựu** trong Kinh **Kim Cương Tú Thành Tựu** ghi là: Nay Ta nói về Mật Pháp thành tựu tối diệu của Thế Gian. Các Tú (Nakṣatra) như vậy vận hành ở Hư Không. Hoặc 1,2,3,4,5 ... lâm vào Mệnh Tú, Đối Xung Tú, Thiên Di Tú, Đại Sát Nghiệp Tú, An Tú, Bạc Tương Tú, Nô Tỳ Tú của chúng sinh mà gây các ách hại. Bốn Diệu (Grahà) đại ác là Hỏa Diệu, Thổ Diệu, La Hâu, Kế Đô thì rất nặng đối với chúng sinh. Lúc đó nên tu các Phước Nghiệp, bố thí rộng rãi, hiền lành, nhân nghĩa. Hoặc y theo Văn Thù Bát Tự Chân Ngôn, hoặc y theo Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh, hoặc y theo Bị Diệp Y Quán Âm, hoặc y theo Nhất Tự Vương Phật Đỉnh lập **Đàn Trường Hộ Ma Tức Tai** to lớn đều y theo Bản Pháp Niệm Tụng cúng dường thì tất cả tai nạn tự nhiên tiêu diệt.

Tác Pháp Thành Tựu thì vào lúc **Tâm Tú** (Jeṣṭha) trực nhật, **Liểu Tú** (À’sleṣà) trực nhật, **Mão Tú** (Kṛtikà) trực nhật, **Ngưu Tú** (Abhijit) trực nhật chẳng kể ngày tháng cát hung chỉ ở Tú trực nhật này , trong một ngày chẳng ăn chỉ niệm tụng măn 1080 biến thì mọi Tâm Nguyện sẽ tương ứng liền được Đại Tất Địa.

\_ Nếu lúc bị ách nạn thì vào ngày sinh của mình (Bản Sinh Nhật) là tương ứng tốt nhất

\_ Nếu tác Mộc Diệu Thành Tự Pháp thì vào ngày 16 của tháng là tương ứng tốt nhất

\_ Nếu tác Hỏa Diệu Thành Tự Pháp thì lựa ngày trực nhật ấy là tương ứng tốt nhất

\_ Nếu tác Thổ Diệu Thành Tự Pháp thì ngày mồng 7 của mỗi tháng là tương ứng tốt nhất

\_ Nếu tác Kim Diệu Thành Tự Pháp thì tùy theo sở kiến phương bình đán (? Buổi sáng sớm của phương nhìn thấy ) là tương ứng tốt nhất

\_ Nếu tác Thủy Diệu Thành Tự Pháp thì y theo Thủy Diệu trực nhật mà tác thành tự

\_ Nếu tác La Hầu, Kế Đô Pháp thì y theo ngày sinh của mình (Bản Sinh Nhật) mà làm tương ứng

\_ Nếu lại cúng dường **Bản Sinh Tú** thì dùng năm tháng sinh của mình (Bản Sinh Niên Nguyệt)

\_ Nếu dùng ngày sinh của mình thì có thể gặt lấy thành tự

\_ Nếu Ác Tú sinh thì mỗi tháng đều cúng dường

\_ Nếu 3 ngày, 7 ngày cúng dường thì chuyển thành Cát Tường Trực Điều Mật này đừng để cho người tục biết vậy.

### TÚ DIỆU NGHI QUỸ (Một Quyển\_ Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 04/10/2010



Mật Tạng Bộ 4 \_ No. 1305 ( Tr.423 \_ Tr.424 )

## BẮC ĐẪU THẤT TINH NIỆM TỤNG NGHI QUỸ

Phạn Hán dịch : Nước Nam Thiên Trúc \_ Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ

Phạn Việt dịch : HUYỀN THANH

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì tất cả chúng sinh bạc phước ở thời Mật Thế mà nói Giáo Pháp Chân Ngôn. Thời tất cả Nhật, Nguyệt, Tinh Tú đều vân tập trước sau vây quanh, khác miệng cùng lời bạch rằng:” Nguyện xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà nói Thần Chú”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói **Bát Tinh Chú** ( ? Thất Tinh Chú ) là :

ॐ सप्त ऋषयः ऋषेः (सप्त ऋषयः सप्त ऋषयः सप्त ऋषयः सप्त ऋषयः सप्त ऋषयः सप्त ऋषयः सप्त ऋषयः)

**An, táp đá nhi năng dã, bán nhạ, mật nhạ dã, nhiễm phổ tha ma, sa-phộc nhĩ năng, la khất-sơn, bà phộc đồ, sa ha**

OM \_ SAPTA JINAYA BHARJA (?BHAÑJA) VIJAYA JAMPUTHAMA SVAMINA (Danh vị... ) RAKṢA BHAVATU \_ SVÀHÀ

ẤN MINH ấy trích trong Kinh Kim Cương Đỉnh, Phẩm Thất Tinh

Đức Phật bảo nhóm Tham Lang, Phá Quân rằng:” Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện thọ trì Thần Chú ấy thì các người có ủng hộ không?”

Lúc đó 8 Nữ ( Bát Nữ ) bạch với Đức Thế Tôn rằng:” Nếu có người mỗi ngày tụng Thần Chú này thì quyết định trừ diệt hết thảy tội nghiệp, thành tựu tất cả nguyện cầu. Giả sử lại có người, nếu có thể mỗi ngày tụng Thần Chú này 108 biến liền được Tự Thân với tất cả Quyển Thuộc ủng hộ. Nếu hay tụng 500 biến sẽ có sức đại uy thần , trong khoảng chu vi 500 Do Tuần, tất cả Ma Vương với các Ma Chúng, tất cả loài gây chướng , vô lượng Quỷ ác chẳng dám gần gũi, thường được ủng hộ. Bắc Đẩu Bát Nữ , tất cả Nhật Nguyệt Tinh Tú, các Trời Rồng Dược Xoa, loài hay gây chướng nạn... đều bị hoại dứt trong một thời.

Nếu có người muốn cúng dường. Trước tiên phát Tâm bạt tế, ở nơi vắng lặng thanh tịnh dùng hương hoa, thức ăn uống cúng dường, tụng trì Thần Chú, kết Ấn Khế. Như vậy cúng dường thời 8 Nữ với tất cả Quyển Thuộc đều hiện thân tùy ý phụng sự người tu, thành tựu vô lượng nguyện cầu. Như hàng **La Nhạ** (Ràja\_ vua chúa) liền được vương vị hưởng chi là chút ít Quan Vị vinh diệu của Thế Gian

Nếu cầu Thọ Mệnh sẽ tước bỏ sổ sách Định Nghiệp quay lại giao cho Sinh Tịch (Sổ ghi chép sự sống một đời )

Nếu các Quốc Vương, Vương Tử, Đại Thần, Hậu Cung.... Ở trong cung của mình làm **Mạn Trà La** (Maṇḍala \_ Đàn Trường) như Pháp HộMa, lễ bái cúng dường thì Bắc Đẩu Bát Nữ đều rất vui vẻ cho nên được ở Thắng Vị lâu dài, luôn luôn thọ nhận an vui. Trăm quan trên dưới hoà mục, chẳng hành Phi Pháp. Nhân dân lớn mạnh, lúa gạo sung túc, quốc thổ an ninh không có tai nạn, chẳng hiện điều quái dị, chẳng khởi bệnh tật chết chóc. Bên trong bờ cõi : Oán địch, quần tặc tự nhiên lui tan.

Cho nên dùng Pháp đấy rất ư bí mật. Đừng có vọng truyền cho người chẳng tin với người Vô Trí vì người Vô Trí chẳng có tâm phân biệt rõ ràng, ý sinh nghi hoặc phỉ báng. Tuy rằng Vô Trí Kim Cương sinh ra hàng **Kim Cương Tử** (Vajraputra:con của Kim Cương), thường tụng trì **Phật Nhãn Mẫu Minh** sẽ thích hợp truyền. Kim Cương Tử tuy Vô trí (không có Trí) nhưng chẳng sinh nghi hoặc phỉ báng cho nên thành tựu Pháp. Hành Giả tuy vui với niềm vui của thế Gian nhưng thâm sâu vẫn hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

03/07/2004

Mật Tạng Bộ 4\_ No.1036 ( Tr.424 \_ Tr.425 )

## BẮC ĐẤU THẤT TINH HỘ MA BÍ YẾU NGHI QUỸ

Phạn Hán dịch : Chùa Đại Hưng Thiện- Viện Phiên Kinh- QUÁN ĐỈNH A Xà  
Lê thuật

Phạn Việt dịch : HUYỀN THANH

Nay Ta vì chúng sinh bạc phước của thời Mạt Thế nên nói thứ tự Nghi Tắc Cúng Dường Hộ Ma của Bắc Cực Thất Tinh.

Ở trong Tịnh Thất làm một Thủy Đàn hoặc tròn hoặc vuông đều đủ một khuỷu tay. Dùng 5 vị : Mao Hương, Cam Tùng, Hắc Bệ, Bạch Giao, Bạch Đàn hòa hợp làm bùn xoa tô. Bên trong Đàn Trường ấy để một cái lò. Thức ăn uống, quả trái chia ra 7 phần để thiêu đốt. Thức ăn là: cơm, thực phẩm, quả trái, bánh, Tô Mật... hoặc ngũ cốc và Nhũ Mộc. Tùy theo **Nhân Mệnh Tinh Tướng** (Tướng vì sao giữ mạng người) mà lựa chọn dùng.

Trước tiên nói lời bày tỏ (Khải Từ) là :” **Chí Tâm phụng thỉnh Bắc Cực Thất Minh Na La, Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tôn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân Tôn Tinh. Vì chủ nhà ( họ tên... ) cầu Túc Tai , Giải Thoát, thọ mệnh lâu dài, được thấy trăm Thu.**

**Nay làm Mạn Trà La , nguyện xin rũ thương giáng lâm chôn nạy thọ Hộ Ma, ủng hộ Thí Chủ ( họ tên... ) được tùy theo Tâm mà ngưng dứt tai nạn, giải thoát, tăng trưởng thọ mệnh ”** (3 lần)

\_ Tiếp kết Ấn là : Chắp tay giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) đem 2 ngón cái vịn móng 2 ngón vô danh. Hai ngón giữa, 2 ngón út như cánh sen. Hơi mở co 2 ngón trở rồi đưa qua lại.

\_ Tiếp tụng **Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn** và **Triệu Bắc Đẩu Thất Tinh Chân Ngôn**.

. ) Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn là :

ॐ मम मम दः दः पवः ॐ

**Năng mộ tam mạn đa, na la na la, ba tả la, hồng**

MAMO SAMANTA \_ DARA DARA PACARA \_ HŪM

. ) Triệu Bắc Đẩu Chân Ngôn là :

ॐ मम मम दः दः षड्भुजं पञ्च दण्डं दण्डं ऋण्डं [ण्डं षण्डं चण्डं चण्डं

**Năng mạc tam mạn đa, na la năng, ê hế chỉ, phả y, hạ y, na y, ca y, ra y, mộ-ra đa la, già la hàm, sa-phộc ha**

NAMAḤ SAMANTA DARANA EHYEHI , PA I , HA I, DA I , KA I, RA I , MROTARA GHARAHAM \_ SVÀHÀ

Dùng tay lấy cây, lúa gạo, Tô Mật, dầu... ném vào trong lò để thiêu đốt. Mắt chuyên nhìn vì sao Bản Mệnh. Nếu nghiêng động biến màu, lòe sáng chớp nhoáng, hình dáng trắng vàng liền nên nguyện Như Lai , y theo Pháp trước, 7 ngày đêm mà làm. Ất nên như việc, nếu không **Tinh Tạng** mất đi chẳng nhìn thấy (**Quyết** ghi là : Chẳng cầu) .

Nói Bắc Đẩu Thất Tinh là Tinh của mặt trời, mặt trăng với 5 vì sao . Xưa kia bao quát chiếu diệu đến 8 phương, bên trên tỏa sáng (Diệu) chốn Thiên Thần, bên dưới thẳng đến Nhân Gian để quản lý Thiện Ác mà phân chia Họa Phước. Nơi triều Tông của Quần Tinh là nơi phủ ngưỡng (cúi đầu kính mến) của vạn linh. Nếu có người hay lễ bái cúng dường thì trường thọ phú quý. Người chẳng tôn kính thì vạn mệnh chẳng được dài lâu.

Đây dùng **Lộc Mệnh Thư** ghi rằng:” Đời có **Ty Mệnh Thần** mỗi khi đến ngày **Canh, Tân** thì bên trên hưởng về Thiên Đế bày tỏ tội ác của chúng sinh. Người có tội nặng ất tuần tự nhìn nhận tính toán, Người tội nhẹ thì gỡ bỏ, ghi chép vào Toán Thư ( Sách ghi chép tính toán ) rồi báo cho Chủ Mệnh”.

Chính vì thế cho nên Đức Thế Tôn vì chúng sinh chết yểu, mệnh ngắn, phước mỏng ở thời Mạt Thế mà nói Nhất Tự Đỉnh Luân Vương, Triệu Bắc Đẩu Thất Tinh, Nghi Tắc cúng dường Hộ Ma để cúng dường, khiến cho Mệnh thuộc Tinh Số xóa bỏ **Tử Tịch** (sách ghi ngày giờ chết) quay lại giao cho **Sinh Tịch** (sách ghi đời sống lâu dài)

Nếu các Quốc Vương ở trong cung của mình làm Mạn Trà La, như Pháp Hộ Ma, lễ bái, cúng dường thì Bắc Đẩu vui vẻ sẽ ủng hộ cho nên được trụ lâu ở Thắng Vị, luôn nhận an ổn. Hậu, Phi, Phu Nhân, Hậu Cung, Thái Nữ, Vương Tử, Quần Thần, Tam Công, Bách Quan... trên dưới hòa mục chẳng hành Phi Pháp. Nhân dân lớn mạnh, lúa gạo sung túc, quốc thổ an ninh. Bên trong bờ cõi: Oán địch, quần tặc tự nhiên lui tan . Cho nên dùng Pháp ấy rất là Bí Yếu.

BẮC Đẩu THẤT TINH BÍ YẾU NGHI QUỸ  
( Hết )

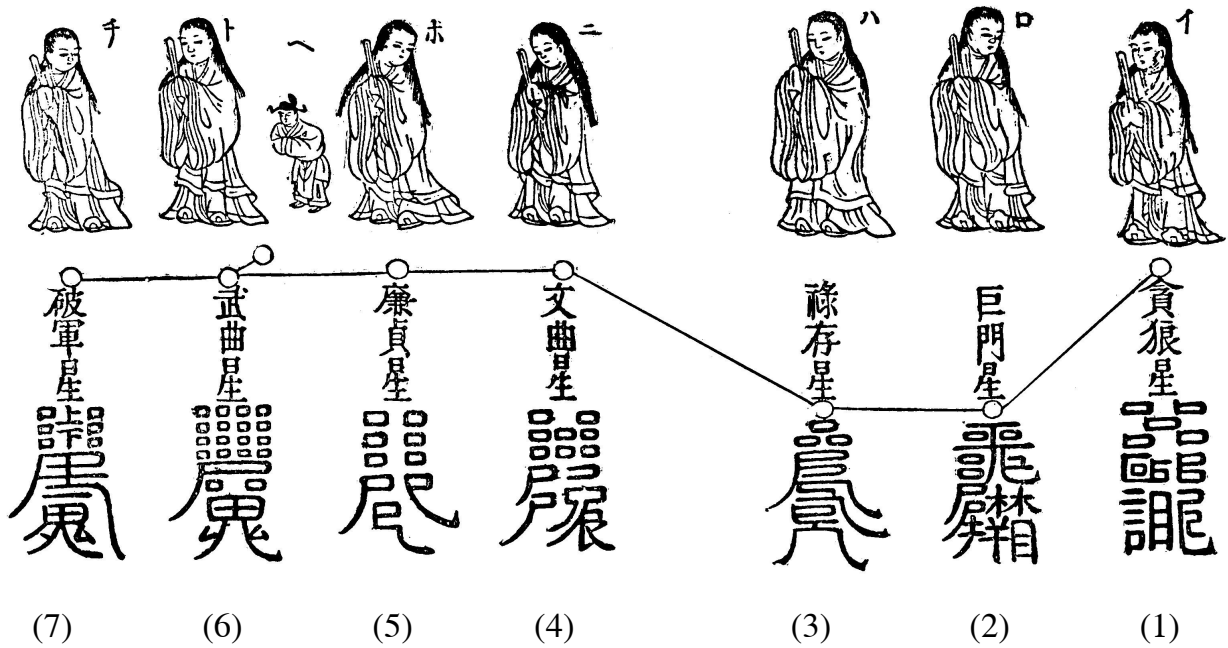
04/07/2004

Mật Tạng Bộ 4 \_ No. 1307 ( Tr.425 \_ Tr.426 )

PHẬT NÓI KINH  
BẮC Đẩu THẤT TINH DIÊN MỆNH

Hán dịch : Vị Tăng Bà La Môn đem Kinh này đến dâng cho Đường Triều để  
thọ trì

Việt dịch : HUYỀN THANH



1) Tham Lang Tinh

- 2 ) Cự Môn Tinh
- 3 ) Lộc Tồn Tinh
- 4 ) Văn Khúc Tinh
- 5 ) Liêm Trinh Tinh
- 6 ) Vũ Khúc Tinh
- 7 ) Phá Quân Tinh

\_ Người sinh vào giờ Tý (? Năm Tý) thì hưởng vào vì sao này (Tham Lang Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: lúa mùa (Thử\_ Giống lúa Hoàng Mễ). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Sửu, giờ Hợi cùng hưởng vào vì sao này (Cự Môn Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là : Hạt dẻ. Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Dần, giờ Tuất cùng hưởng vào vì sao này (Lộc Tồn Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là : Gạo tẻ (Cánh mè) . Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Mão, giờ Dậu cùng hưởng vào vì sao này (Văn Khúc Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là : Hạt đậu nhỏ (Tiểu Đậu) . Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Thìn, giờ Thân cùng hưởng vào vì sao này (Liêm Trinh Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là : Hạt mè (Ma Tử ) . Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Ty, giờ Mùi cùng hưởng vào vì sao này (Vũ Khúc Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là : Hạt đậu lớn (Đại Đậu). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

\_ Người sinh vào giờ Ngọ thì hưởng vào vì sao này (Phá Quân Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là : Hạt đậu nhỏ. Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát.

\_ Nam mô **Tham Lang Tinh** là **Vận Ý Thông Chứng Như Lai Phật** ở Thế Giới Tối Thắng thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Cự Môn Tinh** là **Quang Âm Tự Tại Như Lai Phật** ở Thế Giới Diệu Bảo thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Lộc Tồn Tinh** là **Kim Sắc Thành Tự Như Lai Phật** ở Thế Giới Viên Mãn thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Văn Khúc Tinh** là **Tối Thắng Cát Tường Như Lai Phật** ở Thế Giới Vô Ưu thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Liêm Trinh Tinh** là **Quảng Đạt Trí Biện Như Lai Phật** ở Thế Giới Tĩnh Trụ thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Vũ Khúc Tinh** là **Pháp Hải Du Hý Như Lai Phật** ở Thế Giới Pháp Ý thuộc phương Đông



\_ Nam mô **Phá Quân Tinh** là **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Phật** ở Thế Giới Lưu Ly thuộc phương Đông.

Nếu gặp năm **Tai** tháng **ách** , nên lễ Kinh này 7 bái.

Bấy giờ Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng:” Đã nói Kinh này có đại uy thần, đại uy lực hay cứu tội nặng của tất cả chúng sinh và hay diệt tất cả nghiệp chướng.

Nếu có Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, Tể Quan, Cư Sĩ, kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc giàu sang (phú) hoặc nghèo hèn (tiện) , sinh mệnh lớn nhỏ... đều thuộc sự cai quản (Sở quản) của Bắc Đẩu Thất Tinh. Nếu nghe Kinh này thọ trì, cúng dường, chuyển đọc. Khuyên bạn bè (Minh hữu) , thân tộc, cốt nhục thọ trì thì đời này được Phước, đời sau sinh lên cõi Trời.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc có người quá cố (Tiên Vong) bị đọa ở Địa Ngục hoặc chịu mọi thứ Cấm Khổ. Nếu nghe Kinh này mà tôn kính cúng dường thì người quá cố kia liền được lìa chốn Địa Ngục được vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc bị Quỷ My xâm chiếm , Tà Ma quấy nhiễu, mộng ác quái dị khiến hồn phách kinh sợ. Nếu nghe Kinh này mà thọ trì cúng dường thì hồn phách liền được an ninh, vĩnh viễn không có sự sợ hãi.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc mang thân sĩ quan nhận lệnh sai đi hành quân (Chinh hành). Nếu gặp Kinh này mà tin kính cúng dường liền được chuyển sang địa vị sĩ quan cao cấp, rất được đại cát

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc thân bị bệnh tật ràng buộc mà muốn cầu cho nhẹ nhàng hết bệnh thì nên ở Tĩnh Thất đốt hương cúng dường Kinh này sẽ được khỏi mọi tật bệnh.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện muốn được tiến đạt, xuất hành lo liệu công việc cầu tài xứng toại, buôn bán phát đạt. Nếu gặp Kinh này mà tin kính cúng dường liền được cầu tài vừa ý , ra vào đại cát.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc nuôi Tằm bị hư hao, lục súc chẳng yên. Nên ở Tĩnh Thất đốt hương cúng dường Kinh này liền được ruộng Tằm vừa ý, lục súc đông đầy, vĩnh viễn không bị tổn thất cũng không có tai chướng.

Nếu có người nữ mang thai, suốt tháng khó khăn. Nếu gặp Kinh này mà tin kính cúng dường thì mẹ con liền được phân giải, tiêu trừ ách nạn. Sinh con trai gái đều được quả báo đoan chính sống lâu.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện biết được Bắc Đẩu Thất Tinh cai quản sinh mệnh con người thì trong một đời : hết thấy tai ách, miệng tiếng đồn đãi, trăm việc quái lạ... Nếu gặp Kinh này mà tin kính cúng dường thì không có một điều gì có thể gây phương hại được”.

Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi nói xong thì kẻ trai lành, người nữ thiện đều cung kính tin nhận, làm lễ rồi giải tán

PHẬT NÓI KINH BẮC ĐẤU THẤT TINH DIÊN MỆNH  
( Hết )

05/07/2004

Mật Tạng Bộ 4 \_ No.1310 ( Tr.457 \_ Tr.459 )

BẮC ĐẤU THẤT TINH HỘ MA PHÁP  
( PHỨC XÍ THỊNH QUANG PHÁP )

Hán văn : NHẤT HẠNH soạn

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch : HUYỀN THANH

\_ NẮNG CÁT TƯỜNG CHÂN NGÔN :

Nắmg mạc la đát-nắmg đát-la dạ dĩa. Nắmg mạc tố ma, đát la-phộc nặc ky-sái đát-la, la nhạ dĩa, giả đồ địa ba, a lộ ca la dĩa. Đát nễ dĩa tha : Nổ ma để bả, nổ ma để tát, tân nễ khứ tế, sa-phộc hạ

ॐ रत्नत्रयं

ॐ: ॐ म म म न न न ए ए ए व व व च च च क क क

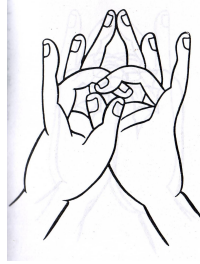
न न न उ उ उ म म म च च च म म म

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAḤ SOMA SARVA NAKṢATRA RÀJÀYA \_ CATURTHIPA  
ÀLOKARÀYA

TADYATHÀ : OM \_ DUMAPA DUMATISA PANIKHASE \_ SVÀHÀ

**Bắc Đẩu Thất Tinh Ấn** : Hai tay: 2 Hỏa (2 ngón giữa) 2 Không (2 ngón cái) cùng vịn nhau, 2 Thủy (2 ngón vô danh) hợp mặt ngón, 2 Địa (2 ngón út) 2 Phong (2 ngón trỏ) đều tương thẳng liền thành Ấn (Trích trong A Đà Mật Kinh hoặc Khẩu Quyết ....).



Chân Ngôn là :

**Ấn, táp đa năng, nhi năng dã, bán nhạ, mật nhạ-dã, nhiễm phổ tha ma, sa-phộc nhĩ năng, la khát-sơn, bà phộc đố, sa bà ha**

ॐ सप्त ऋणाय ऋषु विनाय ऋषुष्यम सधन रक्ष ऋतु स्र

OM \_ SAPTA JINÀYA BHAÑJAYA VIJAYA JAMPUTHAMA SVÀMINA RAKṢA BHAVATU \_ SVÀHÀ

**Nhật Thiên Ấn :** Trước tiên chắp tay. Từ Phong (ngón trỏ) trở xuống 4 ngón cùng dính đầu nhau, ở phương trước mặt mở lớn 2 Không (2 ngón cái) đều dính cạnh ngón Phong (ngón trỏ).



Chân Ngôn là :

**Năng mạc la dát-năng dát-la dạ dã. Năng mạc tố tị-dã, tát phộc năng khát-sái dát-la, la nhạ dã. Ấn, a mô già tả dã (Danh vị...) thiết để, sa-phộc hạ**

ॐ रत्नत्रय

ॐ: सुऽ स्र नक्षत्र रणय

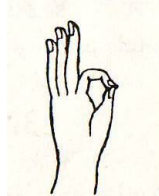
ॐ स्रमयु रित्ति स्र

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAḤ SÙRYA SARVA NAKṢATRA RÀJÀYA.

OM \_ AMOGHA-SYA (Danh vị...) 'SATRI \_ SVÀHÀ

**Nguyệt Thiên Ấn:** Tay Định (tay trái): Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) cùng vịn nhau, các ngón còn lại đều dựng thẳng như cầm hoa sen.



Chân Ngôn là :

**Ấn, chiến dát-la , năng khát-sái dát-la, la nhạ dã ( Danh vị... ) thiết để, sa-phộc hạ**

ॐ रक्ष नक्षत्र रणय रित्ति स्र

OM \_ CANDRA SARVA NAKṢATRA RÀJÀYA ( Danh vị... ) ‘SATRI \_ SVÀHÀ

**Nam Phương Hỏa Tinh Ấn:** Tay trái nắm quyền đặt ở eo trái. Tay phải: dựng thẳng 5 ngón dính nhau rồi co Không (ngón cái) vào trong lòng bàn tay, co lóng giữa của ngón Phong (ngón trỏ) cùng với **Sa Phộc Ha** (Svànhà) triệu mời.



Chân Ngôn là :

**Ấn, a nga la ca, a lố** ( Danh vị ... ) nghi dã, sa-phộc hạ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM \_ A ÑGÀRAKA ARUGIYA ( Danh vị... ) SVÀHÀ

**Bắc Phương Thủy Thiên Ấn :** Tay phải nắm quyền đặt ở eo phải. Tay trái co thành quyền sao cho ngón Không (ngón cái) dừng vào trong quyền, dựng thẳng Phong (ngón trỏ) rồi hơi co lóng giữa.



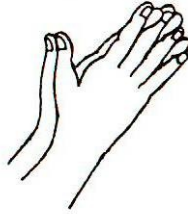
Chân Ngôn là :

**Ấn, mẫu đà, năng khát-sát đát-la , sa phộc nhĩ năng** ( Danh vị... ) **khế nô ma, sa-phộc hạ**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM \_ BUDHA NAKṢTRA SVÀMINA ( Danh vị... ) KHEDUMA \_ SVÀHÀ

**Đông Phương Mộc Tinh Ấn:** Hai tay kết Kim Cương Hợp Chưởng, dựng thẳng 2 Không (2 ngón cái).



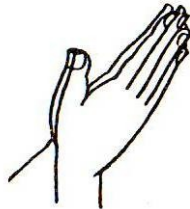
Chân Ngôn là:

**Ấn, bà-la ha tát-bát đễ năng, ma bử đá phộc-năng đã ( Danh vị... ) ma la phộc la-đà ninh, sa-phộc ha**

ॐ वृक्षपात मधुव्रत मल तथै सुद

OM \_ BRHASPATIDHA MAPITHAVNAYA (Danh vị...) MALA VARTHADI \_ SVÀHÀ

**Tây Phương Kim Tinh Ấn:** Hai tay hợp quyền. Dựng thẳng 2 không (2 ngón cái).



Chân Ngôn là:

**Ấn, thú yết la, nga đà phộc-la phộc-la, la nhạ đã (Danh vị...) thất lị, ca lị, sa-phộc hạ**

ॐ सुक्र गथर्व राज्ञाय श्री करि सुद

OM \_ 'SUKRA GATHARVA RÀJÀYA (Danh vị...) 'SRÌ KARI \_ SVÀHÀ

**Trung Cung Thổ Tinh Ấn :** Trước tiên chắp 2 tay lại. Từ Phong (ngón trỏ) trở xuống 4 ngón trụ đầu nhau. Ở phương trước mặt mở lớn 2 Không (2 ngón cái) đều dính cạnh ngón Phong (ngón trỏ).



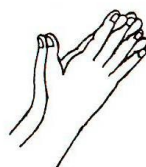
Chân Ngôn là:

**Ấn, xả ni sát tác la, năng khát-sát đát-la, bả-la ha ma năng, lổ bà đã (Danh vị... ) phổ sắt-để, ca lị, sa-phộc ha**

ॐ सानासकारा नक्षत्रा ब्रह्मणा रूपया पुष्टि करि सुद

OM \_ 'SANAI'SCARA NAKŞATRA BRAHMANA RÙPAYA (Danh vị...) PUŞŤI KARI \_ SVÀHÀ

**La Hầu Tinh Ấn** : hai tay kết Kim Cương Hợp Chưởng. Dựng thẳng 2 Không (2 ngón cái).



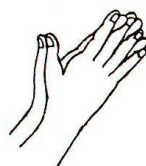
Chân Ngôn là:

**Ấn, la hộ năng, a tố la la nhạ dã, tặc ma xả đô năng dã** (Danh vị... ) **phiến**  
**để ca, ca li, sa-phộc hạ**

ॐ འུ་ཤུ་ལྷ་མཚན་ འུ་ཤུ་ལྷ་མཚན་ འུ་ཤུ་ལྷ་མཚན་ འུ་ཤུ་ལྷ་མཚན་

OM \_ RÀHUNA ASURA RÀJÀYA SOMA 'SATUNAYA (Danh vị... )  
'SÀNTI KARI \_ SVÀHÀ

**Kế Đô Tinh Ấn** : Hai tay chắp lại. Dựng thẳng 2 Không (2 ngón cái).



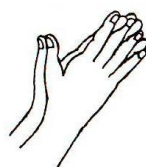
Chân Ngôn là :

**Ấn, phộc nhật-la kế đô năng, năng khát-sát đất-la, la nhạ dã** (Danh vị... )  
**hông, sa-phộc hạ**

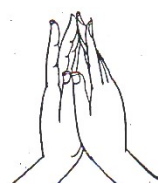
ॐ འུ་ཤུ་ལྷ་མཚན་ འུ་ཤུ་ལྷ་མཚན་ འུ་ཤུ་ལྷ་མཚན་ འུ་ཤུ་ལྷ་མཚན་

OM \_ VAJRA KETUNA NAKṢATRA RÀJÀYA (Danh vị... ) HÙM \_  
SVÀHÀ

**Kế Đô** (Ketu) được phiên dịch là Kỳ (lá cờ). Kỳ là **Tuế Tinh** vậy. **La Hầu** (Ràhu) là **Giao Hội Thực Thân**. Hai Ấn Tinh này với Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ đều dùng Ấn: Chắp 2 tay lại, dựng thẳng 2 ngón cái.



**Cửu Cháp Diệu Thiên Tổng Ấn**: Chân thật chắp tay. Hai Không (2 ngón cái) kèm nhau dựng thẳng, duỗi 2 Phong (2 ngón trỏ) đều mở gốc ngón rồi đưa qua lại.





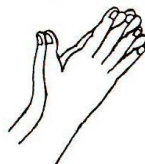
Tổng Chân Ngôn là :

**Ấn, nguyệt-la hế thấp-la li gia, bát la bát đá, nhụ đễ ma dã, sa hạ**

ॐ ऋक्षि ॥ ५५ ॐ ॥ ५५ ॐ ॥

OM \_ GRAHE'SVARYA PRÀPTA JYOTIRMAYA \_ SVÀHÀ

**Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn:** Chắp tay chắc thật. Kèm 2 Không (2 ngón cái) dựng thẳng ngang trái tim, đem 2 Không (2 ngón cái) triệu mời.



Chân Ngôn là:

**Ấn, nặc khất-sát đát-la, niết tô, na nễ duệ, sa hạ**

ॐ ऋक्षि ॥ ५५ ॐ ॥ ५५ ॐ ॥

OM \_ NAKṢATRA NIRJADANIYE \_ SVÀHÀ

**Chư Thân Kỳ (Thân Đất) Ấn:** Tay phải nắm quyền, duỗi ngón giữa rồi hơi co lại, cùng triệu mời.

Chân Ngôn là :

**Ấn, tát phộc na la diên na dã, ế hế duệ tứ, sa ha**

ॐ ऋक्षि ॥ ५५ ॐ ॥ ५५ ॐ ॥

OM \_ SARVA NÀRAYANÀYA EHYEHI \_ SVÀHÀ

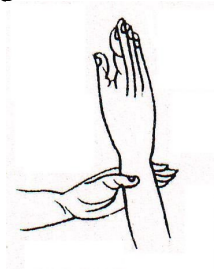
**Diên Mệnh Chân Ngôn** là: Trước tiên tụng 1000 biến

**Ấn, ma chiết la dụ toái (Họ tên..) sa-phộc ha**

ॐ ऋक्षि ॥ ५५ ॐ ॥ ५५ ॐ ॥

OM \_ VAJRA ÀYUṢE (Họ tên...) SVÀHÀ

**Đồ Hương Ấn:** Tay Tuệ (tay phải) hướng ra ngoài, đem tay Định (tay trái) ngửa nắm cổ tay Tuệ (tay phải) ngang trái tim.



Như Chân Ngôn này:

**Ấn, vĩ thâu đà , hiến độ nạp-bà phộc, sa-bà ha**

ॐ ऋक्षि ॥ ५५ ॐ ॥ ५५ ॐ ॥

OM \_ VI'SUDDHA GANDHA UDBHÀVA \_ SVÀHÀ

**Phụng Hoa Ấn:** Hai tay cài chéo nhau bên trong rồi mở ngửa, duỗi thẳng 2 Phong (2 ngón trỏ) sao cho 2 cạnh đầu ngón trụ nhau, đặt Không (ngón cái) bên ngón trỏ ngang trái tim.



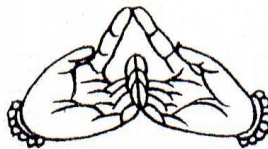
Niệm Chân Ngôn là:

**Ấn, ma ha muội dát lệ-gia, tỳ-dữu nạp nghiệt đế, sa-bà ha**

ॐ म्हा मयैदलेश्वर्यै ह्रै

OM \_ MAHÀ MAITRIYA ABHYUDGATE \_ SVÀHÀ

**Thiên Hương Ấn:** Hai tay từ ngón giữa trở xuống dựng thẳng 6 ngón tay dính lưng nhau, duỗi thẳng 2 Phong (2 ngón trỏ) sao cho cạnh đầu ngón tay chặp dính nhau, hơi các xa nhau một chút, để 2 Không (2 ngón cái) bên ngón trỏ ngang trái tim.



Chân Ngôn là :

**Ấn, đạt ma đà dát-phộc nỗ nghiệt đế, sa-bà ha**

ॐ दम दधदधदध ह्रै

OM \_ DHARMA-DHÀTU ANUGATE \_ SVÀHÀ

**Phụng Thực Ấn:** Hai tay trống lòng bàn tay, mở chưởng hướng lên trên như thế bụm vật, đặt ngang trái tim.



Niệm Chân Ngôn là:

**Ấn, a la la, ca la la, mạt lân, nại ná nhĩ, mạt lân nại nễ, ma ha phù lịch, sa-bà ha**

ॐ म्हा लल कल लल मल नै नै मल नै नै मल नै नै ह्रै

OM \_ ARARA KARARA \_ VALIM DADA ME \_ VALIM DADE \_ MAHÀ VALIH \_ SVÀHÀ











ॐ सर्वत्राय समये स्वहा  
OM \_ SARVATRÀ 'SRÌYE SAMAYE \_ SVÀHÀ

\_ Bắc Đẩu Thất Tinh Chân Ngôn:

**Ka li kế, nhập phộc li dã, ba la bát tra tu trí la ma gia, sa-phộc hạ**

ग्रहक्षिप्रप्रज्ञप्तिसुह

GRAHE'SVARYA PRÀPTA JYOTIRMAYA \_ SVÀHÀ

Hương dùng: Huân Lục, Bạch Đàn. Có thể dùng Đàn Dạng

BẮC ĐẪU THẤT TINH HỘ MA PHÁP  
( Hết )

Hiệu chỉnh xong vào ngày 08/10/2010